

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

Trong số này

CƠ QUAN BIÊN SOẠN VÀ PHÁT HÀNH:

TRUNG TÂM THÔNG TIN
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG

ĐỊA CHỈ:

Số 8, Đường Hoàng Quốc Việt,
Cầu Giấy, Hà Nội

ĐIỆN THOẠI:

024.37562608

FAX:

024.38361556

E-MAIL:

tttt@tcvn.gov.vn

INTERNET WEBSITE:

<http://www.ismq.org.vn>

TÀI KHOẢN:

002.100.094.0135

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM- CHI NHÁNH
THĂNG LONG

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Một số văn bản của các Bộ, ngành 2-7

ĐIỂM TIN

- Cần thay đổi tư duy trong truy xuất nguồn gốc hàng hóa 8
- Quán triệt không ban hành được trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm tra thì không được phép kiểm tra chuyên ngành 9
- Bảo vệ thiết bị năng lượng tái tạo dưới điều kiện thời tiết khắc nghiệt 11
- Chiến lược quan trọng trong việc giành lợi thế tại sân chơi Asean 12
- Singapore quan tâm trở lại thị trường Việt Nam 15
- An ninh mạng – Ưu tiên hàng đầu của các công ty truyền thông và đài truyền hình 17
- Kỷ nguyên của điện toán nguyên tử 19
- Tự động hóa lưới điện thông minh 21
- Tiêu chuẩn cho nhựa phân hủy sinh học 22

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

- Tiêu chuẩn ISO 24
- Tiêu chuẩn Anh (BS) 26
- Tiêu chuẩn Đức (DIN) 33
- Tiêu chuẩn IEC 40
- Tiêu chuẩn ASTM 46
- Tiêu chuẩn Mỹ 47

❖ **CHÍNH PHỦ****Nhiều chính sách ưu đãi doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Chính phủ ban hành Nghị định 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong đó có nhiều chính sách ưu đãi doanh nghiệp khoa học và công nghệ như miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; ưu đãi tín dụng;...

Cụ thể, về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể: được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Doanh thu, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ. Doanh thu, thu nhập được tạo ra từ dịch vụ có ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin phải là doanh thu, thu nhập từ dịch vụ mới.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp. Điều kiện, thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quản lý thuế.

Nghị định cũng quy định: Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ khi xác định diện tích đất được miễn, giảm cho mục đích khoa học và công nghệ. Thủ tục, hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất và quản lý thuế.

Ưu đãi tín dụng

Về ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất kinh doanh, Nghị định nêu rõ: Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay và bảo lãnh để vay vốn.

Đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ có tài sản dùng để thế chấp theo quy định của pháp luật được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa

học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất vay tối đa 50% lãi suất vay vốn tại ngân hàng thương mại thực hiện cho vay.

Đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ có dự án khoa học và công nghệ khả thi được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc bảo lãnh để vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

Các Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quy định quy chế cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, bảo đảm thuận lợi cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp cận; doanh nghiệp khoa học và công nghệ đáp ứng tiêu chí hỗ trợ của Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quỹ xem xét, cấp bảo lãnh tín dụng để vay vốn tại các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật.

Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ

Nghị định cũng quy định cụ thể về hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ. Theo đó, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên, không thu phí dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trong trường hợp phát sinh chi phí mua nguyên vật liệu để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, doanh nghiệp chi trả các khoản chi phí phát sinh cho các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác để thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên tham gia các dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ của Nhà nước. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định của Nhà nước về dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, ưu tiên xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường hợp sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm nhóm 2 khi chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/3/2019./.

Hàng loạt quy định mới về tuyển dụng công chức, viên chức

Từ năm 2019, việc thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức sẽ có đổi mới cả về nội dung, hình thức và quy trình nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng công tác cán bộ.

Đây là những điểm mới đáng chú ý tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực từ ngày 15/1/2019).

Nghị định này đã kịp thời thể chế hóa một số giải pháp được đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; đồng thời đã nghiên cứu đổi mới công tác thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo hướng tổ chức thi thực chất, công khai, minh bạch, giám sát chặt chẽ, đẩy mạnh phân cấp cho các bộ, ngành, địa phương, làm rõ trách nhiệm của Bộ Nội vụ trong kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình tổ chức thi nâng ngạch, bảo đảm mặt bằng chung về trình độ, năng lực của công chức giữa các bộ, ngành, địa phương; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức thi tuyển, thi nâng ngạch, thi thăng hạng...

Tổ chức thi tuyển 2 vòng

Đối với công tác tuyển dụng công chức, viên chức, Nghị định bổ sung quy định các

cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng không được đưa ra các điều kiện, tiêu chuẩn trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo, văn bằng, chứng chỉ, trường công lập, trường ngoài công lập.

Quy định này để bảo đảm phù hợp với Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật Giáo dục đại học về việc không quy định phân biệt loại hình đào tạo, văn bằng chứng chỉ, cơ sở đào tạo.

Đáng chú ý, Nghị định sửa đổi, bổ sung nội dung, hình thức, quy trình thi tuyển và xét tuyển nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng trong công tác tuyển dụng, gắn thẩm quyền tuyển dụng với thẩm quyền sử dụng công chức, viên chức và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

Theo đó, việc tuyển dụng công chức, viên chức được tổ chức theo 2 vòng, vòng 1 thi trắc nghiệm về kiến thức chung, ngoại ngữ, tin học để bảo đảm chính xác trong việc chấm thi và thuận tiện trong việc ứng dụng thi trên máy; vòng 2 thi môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng hình thức phỏng vấn, thực hành hoặc thi viết do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định.

Đồng thời, quy định cụ thể thời hạn để tiến hành các bước trong tổ chức tuyển dụng theo hướng rút gọn thời gian, đơn giản thủ tục hành chính.

Việc thi nâng ngạch công chức cũng tổ chức theo hướng đơn giản hóa thủ tục, thực hiện theo 2 vòng tương tự như thi tuyển công chức.

Phân cấp thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên chính và

tương đương trở xuống cho các bộ, ngành, địa phương. Các Bộ, ngành, địa phương quyết định danh sách công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch và chịu trách nhiệm toàn bộ trong quá trình tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền; Bộ Nội vụ và Ban Tổ chức Trung ương chỉ chủ trì tổ chức thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp.

Đơn giản quy trình tuyển dụng đặc cách

Chế độ ưu tiên trong tuyển dụng được quy định theo hướng cộng điểm ưu tiên và áp dụng thống nhất giữa tuyển dụng công chức và tuyển dụng viên chức.

Trường hợp tuyển dụng đặc cách sẽ theo hướng quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện và phân cấp thẩm quyền cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện (không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Trung ương như trước đây).

Quy định cụ thể về việc không phải thực hiện quy trình tuyển dụng đối với trường hợp đã là cán bộ, công chức sau đó được điều động, luân chuyển sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, nay cơ quan có thẩm quyền có nhu cầu điều động, tiếp nhận trở lại.

Trong trường hợp trúng tuyển, thời gian tập sự sẽ phù hợp với trình độ đào tạo của viên chức để bảo đảm sự thống nhất giữa các lĩnh vực sự nghiệp.

Thời gian tập sự là 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học (riêng đối với chức danh nghề nghiệp bác sĩ là 9 tháng), 9 tháng đối với trình độ đào tạo cao đẳng và 6 tháng đối với trình độ đào tạo trung cấp.

Gỡ vướng quy định thôi việc đối với viên chức

Nhằm giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ thôi việc đối với viên chức trong thời gian qua, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định không thực hiện chế độ thôi việc đối với trường hợp viên chức trong 2 trường hợp sau:

- Viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị.

- Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 161/2018/NĐ-CP cũng phân cấp nội dung quản lý về vị trí việc làm đối với công chức, viên chức cho phù hợp quy định của Luật Tổ chức Chính phủ 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 và Nghị quyết 21/NQ-CP theo hướng giao các bộ, ngành, địa phương quyết định danh mục và số lượng vị trí việc làm đối với công chức, viên chức.

Thực hiện phân cấp cho người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương (cấp tỉnh) ban hành các quyết định cá biệt về bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của Bộ Nội vụ (đối với các cơ quan Nhà nước) hoặc Ban Tổ chức Trung ương (đối với các cơ quan của Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội). Nghị định bổ sung quy định người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định việc ký tiếp hợp đồng làm việc xác định thời hạn đối với viên chức sau khi thực hiện xong hợp đồng làm việc lần đầu để thực hiện chủ trương Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc ký hợp đồng xác định thời hạn đối với viên chức mới được

tuyển dụng (trừ trường hợp được tuyển dụng vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

Ngoài ra, Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định của Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho phù hợp tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: Thực hiện thống nhất chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động (hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ) đối với những người làm công việc thừa hành, phục vụ (yêu cầu trình độ đào tạo dưới trung cấp).

Theo đó, Nghị định quy định không áp dụng chế độ công chức đối với lái xe Bộ trưởng hoặc tương đương, không được ký hợp đồng lao động để làm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập./.

Nội dung yêu cầu báo cáo có thể chỉ có lời văn hoặc số liệu

Đây là nội dung được Chính phủ thông qua tại Nghị định 09/2019/NĐ-CP quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước ngày 24/01/2019.

Theo đó, Chính phủ yêu cầu:

- Tên báo cáo: Bảo đảm rõ ràng, ngắn gọn và thể hiện được bao quát nội dung, phạm vi yêu cầu báo cáo;
- Nội dung yêu cầu báo cáo: Đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền. Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung yêu cầu báo cáo có thể chỉ có phần lời văn, chỉ có phần số liệu hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu;

- Đối tượng thực hiện báo cáo: Chế độ báo cáo phải xác định rõ đối tượng thực hiện báo cáo (bao gồm cơ quan hành chính Nhà nước, tổ chức, cá nhân) và xác định cụ thể tên cơ quan nhận báo cáo;

- Phương thức gửi báo cáo: Văn bản giấy hoặc văn bản điện tử gửi qua trực tiếp, dịch vụ bưu chính, Fax, hệ thống thư điện tử;...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 12/03/2019.

❖ BỘ NỘI VỤ

Không lưu tài liệu bí mật Nhà nước trên thiết bị kết nối Internet

Đây là nội dung được Bộ Nội vụ thông qua tại Thông tư 02/2019/TT-BNV quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử ngày 24/01/2019.

Theo đó, Bộ Nội vụ yêu cầu:

- Không lưu cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ có chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước trên các thiết bị kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông;
- Không chuyển mục đích sử dụng các thiết bị đã lưu cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ có chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước khi chưa loại bỏ triệt để cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;
- Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ phải được sao lưu ít nhất 02 bộ, mỗi bộ trên 01 phương tiện lưu trữ độc lập. Việc sao lưu phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn;...

Thông tư này có hiệu lực từ 10/03/2019./.

❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Phê duyệt Danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia

Quyết định 321/QĐ-BKHHCN về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia để đưa ra tuyển chọn được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 18/02/2019.

Cụ thể, tên đề tài được đặt hàng để đưa ra tuyển chọn như sau: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng chống ngập lụt, úng cho lưu vực sông Bùi và vùng phụ cận”. Sản phẩm dự kiến và yêu cầu đối với sản phẩm cần đạt được bao gồm:

- Đánh giá thực trạng ngập lụt, úng và xác định các nguyên nhân và lượng hoá các tác động.
- Xác định được vùng có nguy cơ ngập lụt, úng tương ứng với các kịch bản mưa lũ 5%, 2%, 1% và lũ lịch sử. Xây dựng bộ bản đồ ngập lụt tương ứng với các kịch bản tỷ lệ 1/10.000.
- Giải pháp giải pháp khoa học công nghệ và quản lý phòng chống ngập lụt, úng nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với đời sống, kinh tế, xã hội, môi trường đảm bảo phát triển bền vững trên vùng nghiên cứu được UBND thành phố Hà Nội thống nhất.
- Đề xuất mô hình sản xuất và đời sống thích ứng với điều kiện ngập lũ.
- Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của các giải pháp.

Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ 2019

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định 297/QĐ-BKHHCN về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2019 ngày 11/02/2019.

Cụ thể, phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt

hàng “Nghiên cứu đánh giá rối loạn vận động và bài tiết một số bệnh lý dạ dày, thực quản” để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2019. Định hướng mục tiêu như sau:

- Có được các quy trình kỹ thuật đánh giá rối loạn vận động và bài tiết một số bệnh lý dạ dày, thực quản: Đo áp lực và nhu động thực quản độ phân giải cao (HRM), đo pH-trở kháng thực quản 24 giờ, đo điện thế niêm mạc thực quản, test nhanh phát hiện pepsin trong nước bọt (PepTest).

- Đánh giá giá trị chuẩn đoán rối loạn vận động và bài tiết một số bệnh lý dạ dày, thực quản của các kỹ thuật trên.

3 điều kiện hàng hóa được coi là có xuất xứ

Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương được Bộ Công Thương ban hành ngày 22/01/2019.

Hàng hóa được coi là có xuất xứ nếu hàng hóa đó:

- Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hay nhiều nước thành viên theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

- Được sản xuất toàn bộ chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ tại lãnh thổ của một hay nhiều nước thành viên;

- Được sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu không có xuất xứ tại lãnh thổ của một hay nhiều nước thành viên với điều kiện hàng hóa đó đáp ứng tất cả các quy định tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Bên cạnh đó, Thông tư này còn quy định hàng hóa nào được coi là có xuất xứ thuần túy, cách tính hàm lượng giá trị khu vực, chi phí tịnh,...

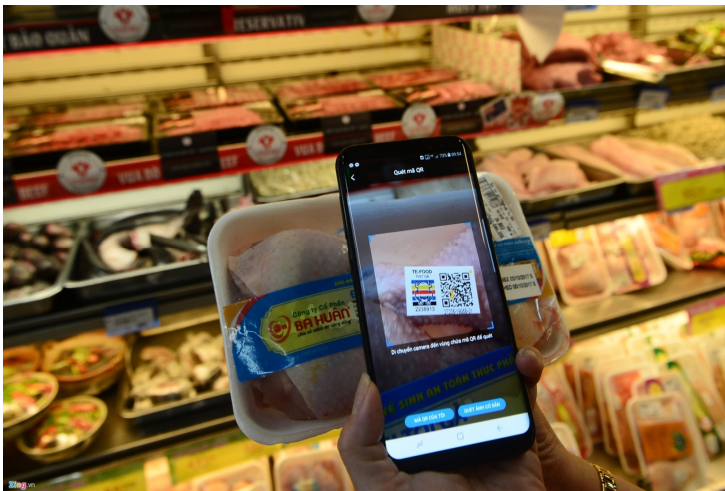
Thông tư có hiệu lực từ ngày 08/03/2019./.

CẦN THAY ĐỔI TƯ DUY TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC HÀNG HÓA

Trong khi truy xuất nguồn gốc đang trở thành xu thế của thời đại và dần thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng cũng như doanh nghiệp, thì việc lựa chọn hệ thống truy xuất nguồn gốc cũng như chi phí vận hành, kiểm soát hệ thống là rất cần thiết. Tuy nhiên rõ ràng, “những điểm nghẽn” đang hiện hành đã khiến truy xuất nguồn gốc chưa phát huy được hết hiệu quả của mình. Muốn truy xuất nguồn gốc hàng hóa thật sự hữu dụng, cần thay đổi tư duy quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người sản xuất tạo ra sản phẩm.

dữ liệu và ghi nhận diễn ra không đồng thời.

Giới chuyên gia nhận định, hiện có nhiều đơn vị làm truy xuất nguồn gốc, nhưng thực tế chưa phải truy xuất nguồn gốc mà mới chỉ cung cấp thông tin sản phẩm. Đa phần ai thích thì làm, mà vẫn chưa có quy định rõ ràng về truy xuất. Thêm vào đó, việc truy xuất nguồn gốc muốn làm đúng phải có sự kiểm soát chặt chẽ và thống nhất từ khâu nuôi trồng, thu hoạch, vận chuyển, đưa ra thị trường...



Hiện nay, việc quét mã QR trên sản phẩm sẽ thể hiện được một số thông tin cơ bản từ doanh nghiệp sản xuất, tên sản phẩm, ngày, tháng đóng gói, hạn sử dụng... Tuy nhiên, tất cả những thông tin này đều là một chiều từ phía doanh nghiệp. Không thấy thể hiện bất cứ cơ quan hay đơn vị giám sát tính chính xác của thông tin. Nguyên do, nếu doanh nghiệp áp dụng họ sẽ mất chi phí vận hành, kiểm soát hệ thống trong khi, hiệu quả mang lại không như mong muốn. Bên cạnh đó, tính trung thực của dữ liệu truy xuất nguồn gốc hiện tại vẫn chưa được đảm bảo toàn diện trong quá trình vận hành hệ thống. Nguyên nhân nằm ở thời điểm phát sinh

Tuy nhiên, tại Việt Nam mỗi quy trình lại do một đơn vị quản lý khác nhau, nhất là khi hàng hóa thực phẩm ra thị trường, cơ quan chức năng chỉ tập trung kiểm tra an toàn thực phẩm là chính. Sự quản lý chồng chéo, khâu quản, khâu không đã khiến việc truy xuất nguồn gốc không đạt hiệu quả mong muốn.

Chính vì lẽ đó dù các hệ thống truy xuất nguồn gốc từ mã QR đến mã số, mã vạch tuy đã đưa vào triển khai thực tế trong nhiều năm nhưng vẫn không thu hút được sự quan tâm quá lớn từ người tiêu dùng cũng như doanh nghiệp sản xuất, nhất là các doanh nghiệp sản xuất nông sản thực phẩm nhỏ lẻ. Giải pháp cho vấn đề này, cần xây dựng các quy định cụ thể về thông tin cần truy xuất (độ rộng) và mức độ truy xuất đến tác nhân nào, cụ thể ra sao để tạo tính đồng nhất của thông tin. Cùng với đó đưa ra chuẩn cơ sở dữ liệu để có thể đồng bộ hóa dữ liệu lớn nhằm tăng cường quản lý thông qua quy định chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc đạt chuẩn./.

QUẢN TRIỆT KHÔNG HÀNH ĐƯỢC TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KIỂM TRA THÌ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

Sáng 19/2, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, Chủ tịch Ủy ban Chỉ đạo quốc gia về cơ chế một cửa quốc gia (NSW), cơ chế một cửa ASEAN (ASW) và tạo thuận lợi thương mại (Ủy ban 1899) đã chủ trì phiên họp lần thứ 4 nhằm kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng triển khai năm 2019.



Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ phát biểu tại phiên họp

Nhìn chung trong năm 2018, cả nước có 13 bộ, ngành mới hoàn thành 173 thủ tục hành chính kết nối với cơ chế một cửa quốc gia (đạt 97% so với mục tiêu của Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP), giải quyết 1,9 triệu hồ sơ của khoảng 27.000 doanh nghiệp.

Theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục giao các bộ, ngành phấn đấu triển khai mới 138 thủ tục hành chính trên cơ chế một cửa quốc gia. Tới hết năm 2018, các bộ đã hoàn thành 106 thủ tục, chiếm 77% so với mục tiêu.

Bên cạnh triển khai liên thông các thủ tục hành chính tại cảng biển, thủy nội địa, các bộ, ngành cũng triển khai cơ chế một cửa quốc gia tại các cảng hàng không quốc tế trên cả nước.

Lãnh đạo cơ quan thường trực của Ủy ban, Thứ trưởng Bộ Tài chính Vũ Thị Mai cho biết trong năm 2018 nhìn chung các

bộ, ngành đã có chuyển biến tích cực trong thực hiện, tạo ra đột phá khi trong 5 tháng cuối năm đã triển khai thêm 100 thủ tục mới, tiếp tục mang lại lợi ích cho người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các thủ tục hành chính trên Cơ chế một cửa quốc gia và đạt kết quả rất tốt. Đặc biệt, Bộ Giao

thông vận tải và Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thành 100% theo kế hoạch.

Về kiểm tra chuyên ngành, Thứ trưởng Vũ Thị Mai cho biết số lượng hàng hóa kiểm tra chuyên ngành còn lớn khi trong 10 tháng đầu 2018, số tờ khai nhập khẩu thuộc diện quản lý và kiểm tra chuyên ngành chiếm 19,1% tổng số lô nhập khẩu làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

Theo nhận định của Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) Lê Công Thành, đến nay, Bộ TN&MT đã hoàn thành các nội dung nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện tại các Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018, Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm

2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 19 của Chính phủ. Trong đó, tổng số thủ tục cần thực hiện qua Cơ chế một cửa quốc gia (18); Số lượng thủ tục đã triển khai thông qua Cơ chế một cửa quốc gia (16), trong đó 04 thủ tục hành chính (TTHC) đã chính thức kết nối từ năm 2016, 07 TTHC chính thức kết nối từ ngày 31/7/2018, 03 TTHC chính thức kết nối từ ngày 28/12/2018, 02 TTHC chính thức kết nối từ ngày 25/01/2019.

Phó Thủ tướng đánh giá các bộ, ngành đã đạt được mục tiêu đặt ra trong năm 2018 là có chuyển biến căn bản trong thực hiện NSW, ASW và tạo thuận lợi thương mại.

Tuy vậy, Phó Thủ tướng cho rằng vẫn còn nhiều tồn tại vướng mắc như số lượng TTHC triển khai mới chưa đáp ứng được yêu cầu của Thủ tướng, cần phải tập trung khắc phục để góp phần đưa đất nước bứt phá, phát triển toàn diện trong năm 2019. Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cho biết: “Thường trực Chính phủ đã bàn và tính tới việc nếu để các bộ, ngành trực tiếp thực hiện chính phủ điện tử, chính phủ số và những dạng công nghệ thông tin thế này thì hiệu quả rất hạn chế. Nên chăng chuyển sang thuê dịch vụ về công nghệ thông tin để tư nhân làm với các yêu cầu bảo mật, an ninh, kỹ thuật kết nối”.

Bên cạnh đó, tiến độ phát triển nâng cấp hạ tầng mạng, thiết bị không theo kịp tốc độ triển khai dẫn đến một số thời điểm hệ thống quá tải, không đáp ứng kịp với giao dịch phát sinh.

Qua trực tiếp khảo sát ở một số địa phương, Chủ tịch Ủy ban cho rằng số lượng hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành còn chiếm tỷ trọng lớn, việc cắt

giảm danh mục hàng hóa quản lý và kiểm tra chuyên ngành còn nhiều hạn chế, chưa bảo đảm tốt hai mục tiêu tạo thuận lợi thương mại đi kèm với chống gian lận thương mại.

Quan điểm không phải cắt giảm lấy được để báo cáo thành tích mà phải đạt được cả hai mục tiêu trên, tăng cường khả năng quản lý, phối hợp các bộ, cơ quan với nhau và với Tổng cục Hải quan. Có những điều kiện, thủ tục kinh doanh không phải và không đáng phải cắt giảm hoặc buộc phải giữ để bảo đảm quản lý nhà nước mà lại cắt giảm đi là phải rà soát lại. Ngược lại khi ban hành văn bản “cắt giảm” nhưng lại “để” ra thủ tục, điều kiện khác, đây là điều phải lưu ý”, Chủ tịch Ủy ban nêu quan điểm.

Đặc biệt với kiểm tra chuyên ngành, Phó Thủ tướng nhấn mạnh nguyên tắc: “Bộ nào không ban hành được trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm tra thì không được phép kiểm tra chuyên ngành, phải chấm dứt và bãi bỏ chuyện này. Nếu không sẽ dẫn tới bộ nào cũng có quyền kiểm tra”./.



Phiên họp lần thứ 4 nhằm kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng triển khai năm 2019
(Nguồn: baochinhphu.vn)

BẢO VỆ THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO DƯỚI ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT KHẮC NGHIỆT



Tiêu chuẩn quốc tế giúp đảm bảo tuabin gió chịu được các điều kiện bên ngoài.

Năm 2018 là một năm có thời tiết khắc nghiệt. Nền nhiệt độ thấp nhất và cao nhất đã được ghi nhận ở cả hai bán cầu, trong khi đó, các cơn bão mạnh còn là tác nhân gây ra hỏa hoạn và lũ lụt nghiêm trọng ở một số nơi trên thế giới. Có rất nhiều yếu tố khác nhau góp phần vào sự thay đổi khí hậu toàn cầu trên trái đất, một trong số đó phải kể đến bởi sự tích tụ của khí nhà kính. Và để giải quyết vấn đề này thì việc sử dụng năng lượng sạch, tái tạo là một trong những giải pháp tối ưu nhất hiện nay.

Theo thống kê của Cơ quan Năng lượng tái tạo Quốc tế (IRENA), công suất phát điện toàn cầu tăng thêm 167 GW và đạt 2.179 GW trên toàn thế giới vào cuối năm 2017, đại diện cho mức tăng trưởng hàng năm khoảng 8,3%. Chỉ sau quang điện mặt trời (PV), gió tăng 10% với 3/4 công suất mới được lắp đặt tại năm quốc gia: Trung Quốc (15 GW), Mỹ (6 GW), Đức (6 GW), Anh (4 GW) và Ấn Độ (4 GW).

Vậy câu hỏi được đặt ra là làm thế nào các tuabin gió có thể chống chọi được các cơn bão? Dưới tình hình thời tiết ngày càng

trở nên cực đoan xảy ra thường xuyên hơn, các nhà sản xuất tuabin gió phải đảm bảo ngay từ đầu rằng thiết bị của họ sẽ chịu đựng mọi điều kiện thời tiết trong suốt vòng đời của chúng. Theo ông.Sandy Butterfield, Chủ tịch của IECRE, Hệ thống IEC chứng nhận các tiêu chuẩn liên quan đến thiết bị sử dụng trong các ứng dụng năng lượng tái tạo, cho các ngành năng lượng gió, PV mặt trời và năng lượng biển cho rằng các tiêu chuẩn IEC hiện hành giúp củng cố các tuabin gió.

Trên thực tế, tất cả các tuabin gió có tính chất thương mại được thiết kế để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể là loạt tiêu chuẩn IEC 61400, được phát triển bởi Ủy ban Kỹ thuật IEC (TC) 88. IECRE là hệ thống chứng nhận quốc tế và minh bạch duy nhất có thể đánh giá liệu thiết kế tuabin có đáp ứng được các yêu cầu được xác định trong các tiêu chuẩn không. Các điều kiện thiết kế tuabin đã được xác định trong tiêu chuẩn IEC 61400-1 và bao gồm các điều kiện môi trường bên ngoài cùng với nhiều điều kiện hoạt động của tuabin, mà các tuabin gió trên bờ phải đáp ứng để đáp ứng các yêu cầu chứng nhận. Tiêu chuẩn IEC 61400-3 bao gồm các điều kiện

bên ngoài cho các thiết kế tuabin ngoài khơi.

Ông. Butterfield còn cho biết hầu hết các tua-bin gió ngoài khơi và trên bờ được thiết kế để chịu được sức gió 70 m/s (155 dặm/giờ, gần 250 km/giờ) (IEC Cấp độ I), lớn hơn hầu hết các cơn bão hiện nay. Bản sửa đổi mới nhất của IEC 61400-1, trong các bước phê duyệt cuối cùng, chứa một lớp thiết kế đặc biệt dành cho các khu vực có gió cực mạnh, có thể xảy ra do lốc xoáy nhiệt đới, còn được gọi là bão trong Đại Tây Dương. Lớp thiết kế mới tăng tốc độ gió cực mạnh mà các tuabin gió được thiết kế với tốc độ khoảng 80 m/s (gần 180 dặm/giờ, khoảng 290 km/giờ) và cho phép thiết kế các tuabin gió với điều kiện bên ngoài khắc nghiệt hơn khi cần thiết.

Khi các tuabin gió được lắp đặt ngoài khơi (và trên bờ) phải xác định cụ thể tất cả các điều kiện thời tiết có thể xảy ra trong vòng đời dự kiến của dự án, thông thường là 30 năm nhưng không dưới 20 năm.

Điều này đòi hỏi nhà phát triển dự án phải thu thập dữ liệu lịch sử cho trang web của họ và sử dụng các dữ liệu này để đưa ra dự báo một tập hợp các điều kiện thiết kế như gió bão cực mạnh, các cơn sóng, dòng chảy và bất kỳ điều kiện thời tiết nào khác mà tua-bin có thể gặp phải, bao gồm cả bão lốc xoáy nhiệt đới. Có rất nhiều thách thức thiết kế cho các tuabin gió do sự kết hợp của gió (ít hơn gió siêu mạnh) và sóng cùng với các điều kiện vận hành của tuabin gió nhất định. Các nhà thiết kế mô phỏng sự kết hợp này với các mô hình máy tính rất tinh vi để đảm bảo cho chính họ, các tổ chức chứng nhận, cơ quan quản lý và khách hàng rằng họ thực sự đã giải quyết tất cả các tác nhân, điều kiện thời tiết khắc nghiệt có thể làm hỏng tuabin gió. /.

(Biên dịch theo

<https://iecetech.org/issue/2019-01/Protecting-renewable-energy-equipment-from-extreme-weather>)

CHIẾN LƯỢC QUAN TRỌNG TRONG VIỆC GIÀNH LỢI THẾ TẠI SÂN CHƠI ASEAN



Phỏng vấn ông. Ivan Tan, Giám đốc thị trường toàn cầu, khu vực Đông Nam về việc đào tạo, thuộc Enterprise Singapore (ESG) nuôi dưỡng các tài năng, nhân tố am hiểu về thị trường cũng như văn hóa của các quốc gia Đông Nam Á.

Theo ông đầu là thách thức cho các doanh nghiệp Singapore khi tiếp cận và đầu tư mạo hiểm vào thị trường Đông Nam Á ?

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và sự gần gũi, thân thiết với Singapore, Đông Nam Á thường là điểm dừng chân đầu tiên cho các công ty Singapore muốn phát triển và tìm kiếm nguồn doanh thu mới. Hầu hết thời gian, những thách thức chính nằm ở việc thích nghi với các quy định, luật lệ tại nước đó cũng như tìm kiếm một đối tác địa phương phù hợp và đây triển vọng để phát triển doanh nghiệp.

Chúng tôi có một loạt các hỗ trợ cần thiết để giúp các công ty này ra nước ngoài dễ dàng hơn. Nhưng trước tiên, để tiếp cận được thị trường ASEAN thành công, các công ty phải có một sản phẩm hoặc dịch vụ rõ ràng, có tính sáng tạo, khác biệt vì cạnh tranh tại các thị trường này là vô cùng gay gắt. Rất nhiều nhà đầu tư toàn cầu quan tâm đến khu vực này vì cơ sở dân số khổng lồ, đầy tiềm năng.

Thứ hai, các công ty phải được chuẩn bị tâm lý để thích ứng với một bối cảnh kinh doanh có thể rất khác với Singapore và thể chế chính trị có thể ảnh hưởng đến kinh doanh. Thứ ba, dành thời gian để phát triển quan hệ với các đối tác trên thị trường, ở cả cấp quốc gia và thành phố vì các quyết định có thể được phân cấp tùy thuộc vào các lĩnh vực. Tuy nhiên, điều quan trọng để một công ty tồn tại và thành công trên thị trường Đông Nam Á trong thời gian dài thì các công ty này phải tìm tòi và chú trọng phát triển những tài năng phù hợp, hiểu được văn hóa và sắc thái thị trường. Điều này vượt xa việc có được kiến thức về kinh doanh, các chính sách của chính phủ tại từng nước. Do tầm quan trọng của các mối quan hệ

hợp tác trong việc kinh doanh ở Đông Nam Á, người mà các doanh nghiệp được đưa vào thị trường cần biết cách xây dựng mối quan hệ bền chặt với các đối tác tại thị trường ASEAN như Indonesia, Việt Nam hoặc Thái Lan. Ngay cả trong một quốc gia, có thể có sự khác biệt trong việc tiến hành kinh doanh. Ví dụ, tại Việt Nam, các nhà kinh doanh ở phía Nam có xu hướng trực tiếp hơn trong cách họ nói và tham gia vào kinh doanh. Ở phía bắc, các nhà đầu tư rất chú trọng đến các mối quan hệ và dành nhiều thời gian hơn để xây dựng mạng lưới và mối quan hệ trước khi chính thức tham gia vào các cuộc thương thảo kinh doanh cụ thể.

Q : Đầu là lĩnh vực mà các doanh nghiệp Singapore cũng như các nhân tố tài năng của Singapore nhắm tới khi tiếp cận thị trường Đông Nam Á ?

Tiêu thụ

Người tiêu dùng tìm kiếm các loại sản phẩm và dịch vụ tiêu dùng, từ hàng hóa xa xỉ, giáo dục, đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giải trí. Enterprise Singapore đã làm việc với các công ty Singapore trên khắp các thương hiệu thực phẩm và bán lẻ, hậu cần, sản xuất và gần đây là thương mại điện tử. Nền kinh tế trực tuyến của ASEAN được dự đoán trị giá hơn 200 tỷ USD vào năm 2025, tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng gộp 10 năm hàng năm là 27%.

Các công ty Singapore có thể giải quyết nhu cầu thị trường trong :

- Thị trường thương mại điện tử;
- Các dịch vụ hỗ trợ cho thương mại điện tử bao gồm thanh toán, bảo hiểm, phát hiện gian lận, tiếp thị và dịch vụ khách hàng;
- Hỗ trợ cơ sở hạ tầng như trung tâm thực hiện cho thương mại điện tử và trung tâm dữ liệu.

Công nghệ

Tuy còn khá non trẻ nhưng bối cảnh công nghệ tại các nước ASEAN đã phát triển nhanh chóng. ASEAN đã đạt kỷ lục về tài trợ khởi nghiệp năm 2017, thu về tổng cộng 10,74 tỷ đô la Singapore từ các nhà đầu tư, so với 3,44 tỷ đô la Singapore năm 2016. Các công ty, doanh nhân và doanh nghiệp khởi nghiệp của *Enterprise Singapore* có thể nhìn vào kết nối với cộng đồng doanh nghiệp và đổi mới đang phát triển của ASEAN để tìm kiếm đối tác để tham gia thị trường hoặc để tạo ra các giải pháp. Ví dụ, *Enterprise Singapore* đã làm việc với Ủy ban Phát triển Kinh tế Singapore về mạng lưới Liên minh Đổi mới Toàn cầu ở Jakarta và Bangkok, kết nối các công ty khởi nghiệp và sinh viên Singapore với hệ sinh thái đổi mới và công nghệ địa phương.

Cơ sở hạ tầng

Đông Nam Á phải đối mặt với một khoảng cách cơ sở hạ tầng lớn, đặc biệt là Indonesia, Philippines và Việt Nam. Chỉ riêng Indonesia cần hơn 1,37 nghìn tỷ đô la Singapore đầu tư cơ sở hạ tầng từ năm 2015 đến năm 2030. Cũng trogn đầu năm 2018, Thủ tướng Việt Nam cũng đã công bố phê duyệt hơn 1,23 tỷ đô la Singapore cho khu kinh tế và khu công nghiệp đến năm 2020. Hầu hết các khoản đầu tư này sẽ vào tiện ích và cơ sở hạ tầng giao thông như đường bộ, đường sắt và cảng biển.

Hiện nay các quốc gia Đông Nam Á rất cần sự tham gia hỗ trợ nguồn vốn từ các khu vực tư nhân để xây dựng các cơ sở hạ tầng mới.

Sản xuất

Sản xuất vẫn là một ngành công nghiệp chủ chốt đối với một số nước ASEAN, lần

lượt mang đến những cơ hội triển vọng cho các công ty Singapore.

Tại Thái Lan, với một cụm sản xuất kỹ thuật ô tô và chính xác phát triển hiện đã sẵn sàng áp dụng các giải pháp Công nghiệp 4.0, Malaysia cũng là một địa điểm lựa chọn tốt cho các nhà sản xuất Singapore muốn gần trụ sở tại Singapore nhưng các doanh nghiệp này vẫn phải đối mặt với những hạn chế về đất đai. Bên cạnh đó, Việt Nam đang nổi lên như một cơ sở sản xuất xuất khẩu thay thế sang Trung Quốc, đặc biệt là trong ngành điện tử, dệt may và nội thất. Việc tiếp tục mở rộng các Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore là minh chứng cho tiềm năng lâu dài của ngành sản xuất.

Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ thúc đẩy thương mại nội khối ASEAN, từ đó tạo ra nhiều cơ hội hơn cho sản xuất. *Enterprise Singapore* đã đạt được những tiến bộ tốt trong thương mại hàng hóa, trong đó khoảng 99% hàng hóa được giao dịch giữa các quốc gia thành viên ASEAN là miễn thuế. Với tư cách là chủ tịch của ASEAN, Singapore đang thúc đẩy Chương trình một cửa ASEAN và Đề án tự chứng nhận toàn ASEAN, giúp củng cố các nước ASEAN như là một cơ sở sản xuất trọng điểm.

Là cơ quan chính phủ Singapore bảo vệ sự phát triển doanh nghiệp, Enterprise Singapore (ESG) hợp tác chặt chẽ với chính quyền khu vực và cộng đồng doanh nghiệp để hỗ trợ sự gia nhập của các công ty Singapore vào khu vực thông qua 8 trung tâm tại nước ngoài trên khắp ASEAN - Bangkok, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Jakarta, Surabaya, Manila, Kuala Lumpur và Yangon./.

(Biên dịch theo

<https://www.enterprisesg.gov.sg/media-centre/news/2018/august/talent-crucial-in-winning-the-asean-game>)

SINGAPORE QUAN TÂM TRỞ LẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Các doanh nghiệp Singapore đang hướng về Việt Nam một lần nữa, sau khi một lần sóng các nhà đầu tư quan tâm trước đó bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và sự chậm lại trong phát triển kinh tế đất nước. Theo ông.Chan Yoke Ping, người đứng đầu CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam) tại tập đoàn vận chuyển khổng lồ YCH, cho biết: "Có sự quan tâm mới về việc chuyển dịch đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam do áp lực chi phí gia tăng từ thuế quan Mỹ-Trung". YCH vào Việt Nam năm 2009, trong đợt đầu tiên, nhưng "điều kiện không thuận lợi" vào thời điểm đó.

Nhà đầu tư của Tổ chức nghiên cứu kinh tế vĩ mô Asean + 3 (AMRO) cho biết, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới năm 2007 đã thu hút được sự quan tâm đáng kể của các nhà đầu tư và mang lại nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nhưng các khoản đầu tư đã mất thời gian để mang lại kết quả, và cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu làm suy yếu nhu cầu bên ngoài. Sau đó, nền kinh tế trong nước chậm lại giữa năm 2011 và 2014. Theo

ông.Ivan Tan, Giám đốc thị trường toàn cầu của Enterprise Singapore (ESG) tại Đông Nam Á, cho biết các nhà đầu tư Singapore đã thận trọng hơn khi đầu tư vào Việt Nam trong giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu làm kinh tế Việt Nam chậm lại vào giai đoạn 2011-2014. "Chỉ hai đến ba năm trở lại đây, chúng tôi đã nhận được nhiều sự quan tâm hơn từ các nhà đầu tư Singapore tại Việt Nam, do kết quả của tăng trưởng GDP mạnh mẽ hơn và một vài yếu tố đặc biệt." ông cho biết.

Trong một cuộc khảo sát do Liên đoàn doanh nghiệp Singapore và HSBC ủy nhiệm, Việt Nam hiện đang là thị trường Asean phổ biến thứ ba trong số 1.036 công ty có trụ sở tại Singapore.

Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng 6,8% trong năm ngoái, khiến nền kinh tế trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất. Giá trị đồng tiền tệ được giữ ổn định trong bốn năm qua, và chính phủ đã ban hành những điều luật mới đã cải thiện môi trường kinh doanh; cam kết thực hiện các hiệp định thương

mại tự do khiến Việt Nam trở thành cơ sở xuất khẩu lí tưởng tại Đông Nam Á.

Với lực lượng lao động dồi dào của đất nước, mức lương cạnh tranh và kết nối tốt với các trung tâm tiêu dùng và sản xuất từ lâu đã khiến Việt Nam trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư sản xuất. Tiến sĩ. Hong lưu ý: "Trong vài năm qua, Việt Nam đã nâng cao được chuỗi giá trị, với các công ty đa quốc gia sản xuất nhiều hàng hóa công nghệ cao hơn."

Theo nghiên cứu của ngân hàng *Standard Chartered* thì Việt Nam là điểm đến hàng đầu của năm 2016 đối với các công ty có kế hoạch chuyển năng



lực ra khỏi Trung Quốc. Tiếng vang về năng lực sản xuất đang thu hút các công ty như nhà cung cấp bảo mật Ademco, đã vào nghiên cứu Việt Nam trong năm 2018. Ông Toby Koh, giám đốc điều hành cho biết: "Các khách hàng MNC của chúng tôi đã chỉ ra rằng họ đang xem xét Việt Nam là địa điểm để di dời các cơ sở sản xuất hoặc xây dựng các cơ sở sản xuất mới. Chúng tôi sẽ xây dựng tại thị trường Việt Nam khi có cơ hội." Ademco cũng nhìn thấy cơ hội phát triển các thành phố thông minh, và đang đàm phán với chính quyền thành phố Hà Nội về các giải pháp như vậy.

Nhà phát triển CapitalLand đã bước vào thị trường Việt Nam từ năm 1994. Đây hiện là một trong những nhà phát triển bất động sản nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Chen Lian Pang, giám đốc điều hành của CapitalLand Việt Nam cho biết: "Nhiều

công ty thành lập hoạt động tại Việt Nam đồng nghĩa với nhu cầu nhiều hơn về không gian làm việc sống chất lượng. Khi Việt Nam đô thị hóa, sẽ có nhiều cơ hội hơn trong việc cung cấp các giải pháp đô thị và dịch vụ tiêu dùng."

Tầng lớp trung lưu tăng trưởng nhanh chóng tại Việt Nam cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng trong lĩnh vực tiêu dùng. *Select Group* đã mang đến các thương hiệu Peach Garden, Hong Kong Sheng Kee

Dessert và Thative Food Court vào Việt Nam trong tháng 8/2018, theo sau những công ty cung cấp thực phẩm và đồ uống Singapore trước đó như Ya Kun Kaya Toast, Tung Lok và Jumbo Group. Giám đốc bán hàng và tiếp

thị Peach Garden T C Ho cho biết: "Tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng, sự ổn định về chính trị, tầng lớp trung lưu ngày càng tăng và có xu hướng chi nhiều cho ăn uống, tiêu dùng đã biến Việt Nam thành một thị trường lý tưởng để tập đoàn của chúng tôi tham gia."

Tuy nhiên, ông Tan của *Enterprise Singapore* cũng lưu ý rằng: "Mặc dù các lĩnh vực hoạt động thương mại hiện nay đang mở cửa đối với hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, thì các doanh nghiệp Singapore vẫn nên hợp tác với các đối tác uy tín, tin cậy tại Việt Nam. Những đối tác có mạng lưới kinh doanh rộng lớn để giảm thiểu các rủi ro cũng như giảm thiểu rào cản về ngôn ngữ". /.

(Biên dịch theo

<https://www.enterprisesg.gov.sg/media-centre/news/2018/november/singapore-firms-show-resurgent-interest-in-vietnam>)

AN NINH MẠNG – ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU CỦA CÁC CÔNG TY TRUYỀN THÔNG VÀ ĐÀI TRUYỀN HÌNH



Bảo vệ tài sản vật lý và kỹ thuật số, để sản xuất, lưu trữ và phân phối, đảm bảo tính liên tục của dịch vụ, bảo vệ nội dung có giá trị khỏi bị đánh cắp hoặc sử dụng sai mục đích đang là thách thức mà các nhà sản xuất và phân phối nội dung truyền thông phải đối mặt hiện nay.

Lĩnh vực truyền thông, bao gồm phát sóng, là một phần quan trọng của cơ sở hạ tầng trọng điểm. Chính phủ Mỹ xác định ngành Truyền thông là ngành trọng điểm vì nó cung cấp chức năng cho phép trên tất cả các lĩnh vực cơ sở hạ tầng quan trọng. Phát thanh, truyền hình được liệt kê là một trong năm thành phần của ngành truyền thông (cùng với: mạng có dây, mạng không dây, cáp và vệ tinh). Các đài truyền hình là đơn vị sáng tạo, thiết kế chỉ đạo nội dung đồng thời là nhà cung cấp cũng như nhà phân phối tin tức.

Hiện nay, xu hướng số hoá là không thể đảo ngược trong tiến trình phát triển hiện nay của thế giới. Và báo chí truyền thống, bao gồm phát thanh, truyền hình, báo in, v.v. là lĩnh vực chịu tác động sâu sắc nhất. Ngành công nghiệp phát thanh truyền hình (và các nhà cung cấp nội dung truyền thông) ngày càng phụ

thuộc vào CNTT, Internet, các mạng nội bộ và kết nối web để sản xuất, lưu trữ và phân phối nội dung.

Do đó, việc bảo vệ sản xuất nội dung, lưu trữ và cung cấp dịch vụ truyền phát và đa phương tiện khỏi các mối đe dọa trên mạng phụ thuộc vào cả CNTT và công nghệ vận hành (OT). Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận đa tầng, đa ngành, theo đó các tiêu chuẩn chung của IEC và ISO / IEC, cũng như các tiêu chuẩn và khuyến nghị cụ thể của ngành từ các tổ chức khác, cung cấp giải pháp nhằm bảo vệ an ninh mạng cho phát thanh, truyền hình. Các cuộc tấn công mạng vào các công ty truyền thông và đa phương tiện có thể diễn ra dưới nhiều hình thức có nhiều hình thức. Ví dụ, một cuộc tấn công mạng kéo dài vào tháng 4 năm 2015 đối với đài truyền hình quốc tế Pháp TV5Monde. Kênh truyền hình này hiện phủ sóng tại

200 quốc gia, đã bị tấn công từ một nhóm tự xưng là Cyber Caliphate. Cuộc tấn công đã khiến đài phát thanh 12 kênh truyền hình dừng phát sóng và gần như đã dẫn đến sự phá hủy hoàn toàn các hệ thống.

Các công ty truyền thông, đài truyền hình và nhà sản xuất nội dung, ngày càng phụ thuộc vào CNTT và mạng được kết nối và có các ưu đãi Internet cho sản xuất và các dịch vụ khác (trang web, blog, truyền phát âm thanh và video, v.v. Sự đa dạng về dịch vụ truyền thông đồng nghĩa với việc cần có các công cụ để nhận dạng các mối đe dọa đến an ninh mạng. Chúng bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế được phát triển bởi IEC và các tiêu chuẩn kết hợp với ISO và Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU). Đối với các tiêu chuẩn và khuyến nghị cụ thể của ngành phát thanh cũng rất cần thiết để bảo vệ mạng và các nội dung liên quan. Các tiêu chuẩn này được phát triển bởi Liên đoàn Phát thanh Thế giới (WBU) và các cơ quan thành viên. Ngoài ra, Hiệp hội Phát thanh Quốc tế (AIB), thành lập Nhóm Công tác An ninh mạng để chia sẻ thông tin và chuyên môn về các mối đe dọa mạng hiện tại cho các công ty truyền thông.

Sự đa dạng của các hệ thống có khả năng gặp rủi ro từ các cuộc tấn công mạng. Các lỗ hổng bao gồm:

Thiết bị: nhiều công ty truyền thông dựa vào các thiết bị truyền thông được kết nối có ngưỡng bảo mật thấp. Các thành phần và thiết bị sẵn có được sử dụng có thể không đáp ứng các biện pháp bảo mật mạng đầy đủ mới nhất hoặc bao gồm các bản cập nhật phần mềm hoặc bản vá bảo mật có sẵn để bảo vệ chúng, ở một mức độ nhất định, chống lại các mối đe dọa trên mạng.

Các quy trình và thủ tục: được thực hiện bởi các công ty truyền thông để bảo vệ chống lại các mối đe dọa trên mạng đối với các hoạt động và hệ thống, như Hệ thống điều khiển và tự động hóa công nghiệp (IACS).

Nhân sự: yếu tố con người, nên là ưu tiên hàng đầu của tất cả các công ty truyền thông, nhưng thường chứng tỏ là mắt xích yếu nhất trong chuỗi an ninh mạng. Nhân sự có thể bao gồm nhà cung cấp, nhân viên bảo trì và vận hành.

Các công ty công nghiệp phát thanh truyền hình bắt đầu sử dụng các dịch vụ đám mây cho quy trình làm việc, chỉnh sửa và lưu trữ của họ và để đảm bảo khả năng phục hồi và liên tục của các dịch vụ trong trường hợp bị tấn công mạng.

Một số tiêu chuẩn và khuyến nghị giải quyết các lỗ hổng và cung cấp các giải pháp để bảo vệ. Liên quan đến các khía cạnh CNTT, loạt Tiêu chuẩn ISO / IEC 27000 về quản lý dịch vụ CNTT, được phát triển bởi ISO / IEC JTC 1 / SC 27: Các kỹ thuật bảo mật CNTT, là tài liệu tham khảo tuyệt đối Loạt tiêu chuẩn IEC 62443, được phát triển bởi IEC TC 65: Đo lường quy trình công nghiệp, kiểm soát và tự động hóa, giải quyết các lỗ hổng OT liên quan đến IACS. Cả hai đều được tham chiếu là cần thiết cho lĩnh vực phát thanh truyền hình trong các ấn phẩm như hướng dẫn của Hiệp hội Phát thanh Truyền hình Quốc gia Hoa Kỳ (NAB) để phát sóng an ninh mạng.

Các tiêu chuẩn IEC khác có liên quan bao gồm sê-ri IEC 60870 cho các thiết bị và hệ thống điều khiển từ xa, giải quyết vấn đề kiểm soát truy cập (RBAC), nói cách khác, hạn chế quyền truy cập đối với người

dùng được ủy quyền. Khi được thực hiện đúng cách, các tiêu chuẩn này có thể ngăn chặn nhân viên trái phép truy cập vào hệ thống.

Bảo vệ nội dung (một tài sản có giá trị), từ sản xuất đến giao hàng, đòi việc thực hiện các biện pháp quản lý quyền kỹ thuật số (DRM). IEC TC 100 đã phát triển các tiêu chuẩn để bảo vệ nội dung. Các giải pháp tương tác này bao gồm các giải pháp cho phép phân phối nội dung theo hướng dẫn của liên minh mạng kỹ thuật số (DLNA) cho các thiết bị kết nối mạng gia đình, cũng như IEC 62698, cung cấp khung chuẩn hóa để đảm bảo nội dung đa phương tiện, theo bản quyền, có thể được

chia sẻ hợp pháp các hệ thống khác nhau, bao gồm cả giao thức Internet TV (IPTV). Các công nghệ khác như trí tuệ nhân tạo (AI) và máy học (ML) đều có thể được sử dụng để phổ biến và ngăn chặn các cuộc tấn công mạng. IEC và ISO gần đây đã thành lập ủy ban tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên, ISO / IEC JTC 1 / SC 42, đang xem xét toàn bộ hệ sinh thái AI, giải quyết các vấn đề liên quan đến độ tin cậy, quyền riêng tư và bảo mật, sai lệch trong thuật toán, cũng như các mối quan tâm xã hội và đạo đức./.

(Biên dịch theo

<https://iecetech.org/issue/2019-01/Cyber-security-a-priority-for-broadcasters-and-media-companies>)

KỶ NGUYÊN CỦA ĐIỆN TOÁN NGUYÊN TỬ



Điện toán lượng tử đe dọa phá vỡ mã hóa, nhưng chuyển sang mật mã lượng tử bây giờ có thể bảo vệ dữ liệu

Một trong những nhà vật lý nổi tiếng nhất của MIT, Seth Lloyd, sử dụng một sự tương tự âm nhạc để giải thích điện toán lượng tử. Theo ông, tính toán cổ điển giống như một giọng hát solo tạo ra một loạt các giai điệu thuần khiết tạo thành một giai điệu duy nhất. Điện toán lượng tử giống như một dàn nhạc, nơi nhiều nhạc cụ khác nhau tạo thành các giai điệu riêng lẻ cạnh tranh và bổ

sung cho nhau để tạo thành một bản giao hưởng. Điện toán lượng tử chắc chắn sẽ thuyết phục các nhà khoa học vì chúng được dự đoán rằng có thể giải quyết các vấn đề tính toán phức tạp nhanh hơn so với bất kỳ công nghệ nào chúng ta đang có hiện nay.

Tiến sĩ Seungyun Lee, thuộc ủy ban chung về công nghệ thông tin (JTC1) được thành

lập bởi IEC và ISO cho rằng trên thực tế, điện toán lượng tử có thể còn cách chúng ta 10 đến 15 năm nữa. Điện toán lượng tử được hứa hẹn mang lại sức mạnh tính toán lớn hơn nhiều với khả năng đa chiều hoàn toàn mới.

Công nghệ này mang lại lợi ích to lớn, như tăng tốc nghiên cứu y học, tiến bộ trong trí tuệ nhân tạo và thậm chí có thể tìm ra câu trả lời cho biến đổi khí hậu. Nhưng đồng thời cũng gây rủi ro rất lớn cho một số dữ liệu nhạy cảm. Máy tính lượng tử đủ mạnh để bẻ khóa các mã hóa hiện đang bảo vệ tất cả dữ liệu nhạy cảm từ ngân hàng di động đến hồ sơ y tế.

Các cuộc gọi điện thoại di động, nhắn tin và ngân hàng trực tuyến đều dựa trên các thuật toán toán học phức tạp để lấy các thông tin nhằm bảo vệ chúng khỏi các tin tặc, gián điệp và tội phạm mạng. Sẽ không quá lời khi cho rằng sẽ không có bảo mật hoặc bảo mật trực tuyến nào nếu không có mã hóa sẽ không còn khả thi nữa. Đối mặt với các cuộc tấn công mạng ngày càng tăng đối với cơ sở hạ tầng quan trọng - bao gồm nhưng không giới hạn đối với các tiện ích điện, mạng lưới giao thông, nhà máy và ngành chăm sóc sức khỏe - mã hóa đang phát triển để đáp ứng với các mối đe dọa ngày nay.

Hệ thống phổ biến nhất hiện nay là mã hóa khóa công khai. Nó hoạt động bằng cách cung cấp cho người dùng hai khóa: khóa chung - có thể chia sẻ với nhiều người, cũng như khóa riêng. Các khóa là những con số lớn tạo thành một phần của thuật toán toán học phức tạp làm xáo trộn một thông điệp của người dùng. Người gửi mã hóa tin nhắn bằng cách sử dụng khóa công khai của người nhận để chỉ người nhận dự định có thể mở khóa bằng khóa riêng của mình. Mặc dù khóa chung có sẵn miễn phí, nhưng các con số liên quan đủ lớn để gây khó khăn cho việc đảo

ngược quá trình mã hóa chỉ với khóa chung.

Cách duy nhất để tin tặc mở khóa là đo các hạt, nhưng chính hành động đo này làm thay đổi hành vi của các hạt, gây ra lỗi gây ra cảnh báo bảo mật. Bằng cách này, hệ thống khiến tin tặc không thể che giấu được hành vi lấy trộm dữ liệu. Mối đe dọa lớn đến mức các nhà khoa học đang thúc giục các tổ chức bắt đầu xem xét và áp dụng các hệ thống mã hóa lượng tử. Máy Điện toán lượng tử có thể chưa có sẵn trong một thập kỷ nữa, nhưng mật mã học lượng tử đã có sẵn trong một vài năm tới. Mật mã học lượng tử là một lĩnh vực quan tâm của hai nhóm chuyên gia chính tại IEC:

Ủy ban Kỹ thuật IEC (TC) 65 về đo lường, kiểm soát và tự động hóa quy trình công nghiệp, chịu trách nhiệm về loạt tiêu chuẩn IEC 62443 về bảo mật hệ thống mạng lưới thông tin liên lạc công nghiệp ISO / IEC JTC 1 / Tiểu ban 27 được biết đến với loạt tiêu chuẩn bảo mật không gian mạng ISO / IEC 27000.

Ủy ban kỹ thuật chung được thành lập bởi IEC và ISO hiện đang chuẩn bị một báo cáo về điện toán lượng tử. Nghiên cứu sẽ cung cấp bối cảnh và phân tích các xu hướng, bao gồm những phát triển mới nhất về công nghệ và các hoạt động trong cộng đồng nguồn mở. Dự kiến báo cáo sẽ khuyến nghị tạo ra một Tiêu chuẩn quốc tế về điện toán lượng tử càng sớm càng tốt. Một tiêu chuẩn như vậy sẽ bao gồm các khái niệm và thuật ngữ để tạo điều kiện trao đổi cũng như nắm bắt tốt hơn giữa các ngành công nghiệp, học viện, chính phủ và các ủy ban tiêu chuẩn. /.

(Biên dịch theo <https://ieccetech.org/issue/2019-01/Being-prepared-for-quantum-computing>)

TỰ ĐỘNG HÓA LƯỚI ĐIỆN THÔNG MINH



Lưới điện thông minh ngày càng được hiện đại hóa với sự trợ giúp từ các Tiêu chuẩn IEC và được phổ cập rộng rãi trong mạng lưới truyền tải và phân phối

Giao diện người - máy (HMIs) – thiết bị giao tiếp giữa người điều hành và máy móc thiết bị đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới tự động hóa lưới điện thông minh. Một tiêu chuẩn mới của IEC đang hoạt động tích cực trong lĩnh vực này để giúp cho hệ thống hoạt động hiệu quả hơn.

Trong thời đại hiện nay, chúng ta lo lắng về việc robot đảm nhận công việc thay thế con người, thậm chí robot còn có thể ngày càng thông minh hơn chúng ta. Nhưng cho dù con người có thích hay không thì trong tương lai, sự tương tác giữa con người và máy móc với nhiều loại hình khác nhau sẽ có xu hướng tăng cường rõ rệt. Và khi đó, giao diện người - máy (HMIs) sẽ trở thành một trong những công nghệ tối ưu quan trọng hơn bao giờ hết để giúp con người, các doanh nghiệp, tổ chức làm chủ được máy móc vì HMIs sẽ cho phép con người điều khiển và tương tác với các thiết bị thông minh. Trên thực tế, một trong những lĩnh vực mà HMIs đã có mặt đó là lĩnh vực sản xuất và truyền tải điện. HMIs chính là một trong những tính năng chính của hiện đại hóa lưới thông minh.

Mối quan hệ mật thiết giữa HMIs và lưới điện

Có thể dễ dàng tìm thấy HMIs trong các nhà máy điện và trạm biến áp, các trang trại năng lượng gió và mặt trời, v.v. Không thể phủ nhận các lưới điện ngày càng thông minh hơn cho phép chúng hoạt động một cách hiệu quả và tiết kiệm năng lượng hơn. Ứng dụng HMIs đóng một vai trò quan trọng trong việc trực quan hóa và kiểm soát các hệ thống tự động hóa trạm biến áp hoặc giám sát tình trạng thời gian thực của một trang trại năng lượng mặt trời hoặc trang trại năng lượng gió. Các kỹ sư, kỹ thuật viên và nhà điều hành phụ thuộc vào thông tin được thu thập và chuyển tiếp bởi thiết bị điện thông minh (IEDs) để có được một bức tranh rõ ràng về tình trạng của trạm biến áp và các nguồn năng lượng phân tán (DER). Những DERs này có thể là tuabin gió, trang trại năng lượng mặt trời hoặc các lưới điện siêu nhỏ (microgrid). Khi mạng lưới điện đang ngày càng được hiện đại hóa, sự phụ thuộc vào các ứng dụng HMIs sẽ tăng lên và các nhà khai thác sẽ yêu cầu trợ giúp để giám sát và kiểm soát các hệ thống đa nhà cung cấp.

Các ứng dụng HMIs được xây dựng dựa trên các khối xây dựng đồ họa bao gồm các hình dạng, màu sắc, văn bản, biểu mẫu hoặc trang cơ bản để giao tiếp và trao đổi

thông tin. Các tiện ích muốn HMI hoạt động với bất kỳ nhà cung cấp thiết bị điện thông minh (IEDs), yêu cầu cấu hình thủ công tối thiểu. Một giải pháp khả thi của nhà cung cấp sẽ đơn giản hóa việc cài đặt, giảm chi phí bảo trì và giảm bớt sự phức tạp của các hệ thống tự động hóa điện đồng thời sẽ tạo điều kiện cho khả năng tương tác với các IEDs đa nhà cung cấp và hỗ trợ các cấu hình dựa trên dữ liệu công việc lên các công cụ thay vì con người như hiện nay.

Ứng dụng tiêu chuẩn quốc tế vào thực tiễn

IEC hiện đang làm việc trên một tài liệu mới nhằm xác định các ngôn ngữ cấu hình cần thiết để đạt được các trạm biến áp kỹ thuật số, bao gồm cả ứng dụng HMI. Tiêu chuẩn hiện đang được dự thảo sẽ là một phần của loạt ấn phẩm IEC 61850, bao gồm một số Tiêu chuẩn Quốc tế cốt lõi

được sử dụng để tích hợp các quy trình truyền thông kỹ thuật số vào lưới điện hiện có.

Một trong những mục tiêu của ấn phẩm mới là tự động tạo ứng dụng HMI, bao gồm tất cả các ảnh xạ dữ liệu liên quan và kết xuất đồ họa. Tiêu chuẩn này có hiệu quả với các nhà khai thác, kỹ sư hoặc kỹ thuật viên thực hiện cấu hình thủ công của hệ thống trạm biến áp và do đó tiết kiệm thời gian và chi phí cho các tiện ích bằng cách sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn. Tiêu chuẩn cũng loại bỏ nguy cơ lỗi do con người, thay vì mất hàng tuần, đôi khi thậm chí hàng tháng để định cấu hình các ứng dụng HMI, sẽ chỉ mất vài phút hay thậm chí vài giây cho các trạm biến áp nhỏ hơn, theo ông Dustin Tessier, người chịu trách nhiệm về dự án tiêu chuẩn mới này của IEC.

(Biên dịch theo

<https://iecetech.org/issue/2019-01/Automatizing-the-power-grid>)

TIÊU CHUẨN CHO NHỰA PHÂN HỦY SINH HỌC



Nhựa đã trở thành một phần phổ biến trong cuộc sống hiện đại. Để đáp ứng nhu cầu, các nhà sản xuất sản xuất từ 270 đến 360 triệu Mg (300 đến 400 triệu tấn) nhựa trên toàn thế giới mỗi

năm để phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của con người. Tuy nhiên, rác thải nhựa thải ra lại tồn tại lâu hơn tính hữu dụng của chúng đã trở thành một vấn đề không những ảnh hưởng

đến sức khỏe mà còn đe dọa nghiêm trọng đến môi trường sống của chính chúng ta.

Theo báo cáo từ *Royal Statistical Society*, tính đến năm 2017, chỉ có 9% rác thải nhựa được tái chế, 12% được thiêu hủy trong khi có tới 79% còn lại thải ra môi trường tự nhiên. Theo một nghiên cứu được công bố trên tạp chí Khoa học, khoảng tám triệu tấn rác thải nhựa, bao gồm túi nylon sẽ dùng chân cuối cùng ở các đại dương trên toàn thế giới. Chính vì vậy, một tiểu ban của ASTM Quốc tế- tiểu ban D20.96, được thành lập để ngăn chặn và hỗ trợ xử lý nhựa an toàn dựa trên các sản phẩm nhựa và các sản phẩm phân hủy sinh học, một phần của ủy ban về nhựa (D20).

Hiện nay, Tiểu ban D20.96 hiện giám sát 18 tiêu chuẩn hoạt động đối với các sản phẩm nhựa, túi nylon và các sản phẩm tự phân hủy sinh học. Các tiêu chuẩn cho sản phẩm tự phân hủy sinh học liên quan đến sản phẩm có nguồn gốc carbon hữu cơ từ nguồn gốc tái tạo như thực vật, động vật hoặc vật liệu biển thay vì nguồn gốc không thể tái chế như từ nhiên liệu dầu. Quá trình phân hủy của rác thải từ nhựa phân hủy sinh học so với nhựa thông thường được rút ngắn từ hàng trăm năm xuống còn một vài năm. Điều đặc biệt là loại vật liệu này chỉ phân hủy khi tiếp xúc với đất hoặc được chôn lấp trong đất, khi phân hủy chúng sinh ra các thành phần "sạch" như nước, khí cacbonic (CO₂), và các sinh khối. Bên cạnh đó, do không chứa kim loại nặng, không chứa độc tố nên vật liệu này thân thiện với hệ sinh thái và con người.

Hiện có ba tiêu chuẩn về nhựa phân hủy sinh học hiện đang được ứng dụng trong ngành công nghiệp phân bón như:

Tiêu chuẩn ASTM D6400: Yêu cầu ghi nhãn cho chất dẻo có khả năng tạo

Tiêu chuẩn ASTM D5338: Phương pháp xác định sự phân hủy sinh học hiếu khí của vật liệu chất dẻo dưới điều kiện tạo compost có kiểm soát, kết hợp các nhiệt độ; và

Tiêu chuẩn ASTM D6691: Phương pháp xác định sự phân hủy sinh học hiếu khí của vật liệu chất dẻo trong môi trường biển bằng vi sinh vật đã được xác định hoặc bằng nước biển tự nhiên.

Trong số ba tiêu chuẩn trên, tiêu chuẩn ASTM D6400 là tiêu chuẩn được sử dụng phổ biến, rộng rãi nhất và có được chứng nhận toàn cầu.



Trong thời gian tiếp theo, tiểu ban D20.96 với số lượng thành viên từ khắp nơi trên thế giới sẽ tiếp tục nghiên cứu, làm việc để đạt được những thành tựu mới. Họ sẽ tiếp tục tạo ra các tiêu chuẩn toàn cầu cho các sản phẩm nhựa phân hủy sinh học không những đảm bảo an toàn sức khỏe cho con người mà còn đảm bảo hệ sinh thái trên toàn cầu. /.

(Biên dịch theo

<https://www.astm.org/standardization-news/?q=features/standards-biodegradable-plastics-ma19.html>)

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI BAN HÀNH TRONG THÁNG

❖ **TIÊU CHUẨN ISO****ISO 19973-****2:2015/Amd.1:2019**

Pneumatic fluid power —
Assessment of component
reliability by testing — Part 2:

Directional control valves

AMENDMENT 1

Pages:8

ISO/IEC/IEEE 8802-**3:2017/Amd.10:2019**

Information technology —

Telecommunications and
information exchange

between systems — Local and
metropolitan area

networks — Specific

requirements — Part 3:

Standard for Ethernet

AMENDMENT 10: Media

access control parameters,

physical layers, and

management parameters for

200 Gb/s and 400 Gb/s

operation

Pages:121

ISO 19150-**2:2015/Amd.1:2019**

Geographic information —

Ontology — Part 2: Rules for

developing ontologies in the

Web Ontology Language

(OWL) AMENDMENT 1

Pages:2

ISO 24534-**4:2010/Amd.1:2019**

Automatic vehicle and
equipment identification —

Electronic registration

identification (ERI) for

vehicles — Part 4: Secure

communications using

asymmetrical techniques

AMENDMENT 1

Pages:12

ISO/IEC/IEEE 8802-**1Q:2016/Amd.7:2019**

Information technology —

Telecommunications and

information exchange

between systems — Local and

metropolitan area

networks — Specific

requirements — Part 1Q:

Bridges and bridged networks

AMENDMENT 7: Cyclic

queuing and forwarding

Pages:28

ISO 80369-**3:2016/Amd.1:2019**

Small-bore connectors for

liquids and gases in healthcare

applications — Part 3:

Connectors for enteral

applications AMENDMENT 1

Pages:6

ISO/IEC 23000-**19:2018/Amd.2:2019**

Information technology —

Multimedia application format

(MPEG-A) — Part 19:

Common media application

format (CMAF) for segmented

media AMENDMENT 2: XHE-

AAC and other media profiles

Pages:8

ISO 14242-**3:2009/Amd.1:2019**

Implants for surgery — Wear

of total hip-joint prostheses —

Part 3: Loading and

displacement parameters for

orbital bearing type wear

testing machines and

corresponding environmental

conditions for test

AMENDMENT 1

Pages:4

ISO/IEC/IEEE 8802-**A:2015/Amd.2:2019**

Information technology —

Telecommunications and

information exchange

between systems — Local and

metropolitan area

networks — Part A: Overview

and architecture

AMENDMENT 2: Local

medium access control (MAC)

address usage

Pages:24

ISO 24534-**5:2011/Amd.1:2019**

Intelligent transport systems

— Automatic vehicle and

equipment identification —

Electronic Registration

Identification (ERI) for

vehicles — Part 5: Secure

communications using

symmetrical techniques

AMENDMENT 1

Pages:4

ISO/IEC/IEEE 8802-**1Q:2016/Amd.6:2019**

Information technology —

Telecommunications and

information exchange

between systems — Local and

metropolitan area

networks — Specific

requirements — Part 1Q:

Bridges and bridged networks

AMENDMENT 6: Per-stream

filtering and policing

Pages:63

ISO 17262:2012/**Amd.1:2019**

Intelligent transport systems

— Automatic vehicle and

equipment identification —

Numbering and data structures AMENDMENT 1 Pages:11 ISO/IEC/IEEE 8802-11:2018/Amd.1:2019 Information technology — Telecommunications and information exchange between systems — Local and metropolitan area networks — Specific requirements — Part 11: Wireless LAN medium access control (MAC) and physical layer (PHY) specifications AMENDMENT 1: Fast initial link setup Pages:162 ISO 10819:2013/Amd.1:2019 Mechanical vibration and shock — Hand-arm vibration — Measurement and evaluation of the vibration transmissibility of gloves at the palm of the hand AMENDMENT 1 Pages:5 ISO/IEC 14496-15:2017/Amd.2:2019 Information technology — Coding of audio-visual objects — Part 15: Carriage of network abstraction layer (NAL) unit structured video in the ISO base media file format AMENDMENT 2: Support for additional brands Pages:2 ISO/IEC 10646:2017/Amd.1:2019 Information technology — Universal Coded Character Set (UCS) AMENDMENT 1: Dogra, Gunjala Gondi, Makasar, Medefaidrin, Indic Siyaq Numbers and other characters	Pages:152 ISO 17264:2009/Amd.1:2019 Intelligent transport systems — Automatic vehicle and equipment identification — Interfaces AMENDMENT 1 Pages:7 ISO/IEC/IEEE 8802-3:2017/Amd.11:2019 Information technology — Telecommunications and information exchange between systems — Local and metropolitan area networks — Specific requirements — Part 3: Standard for Ethernet AMENDMENT 11: Physical layer and management parameters for serial 25 Gb/s ethernet operation over single-mode fiber Pages:43 ISO 11843-6:2019 Capability of detection — Part 6: Methodology for the determination of the critical value and the minimum detectable value in Poisson distributed measurements by normal approximations Pages:23 Replaces: ISO 11843-6:2013 ISO 11783-12:2019 Tractors and machinery for agriculture and forestry — Serial control and communications data network — Part 12: Diagnostics services Pages:31 Replaces: ISO 11783-12:2014 ISO/TR 21718:2019 Intelligent transport systems — Spatio-temporal data dictionary for	cooperative ITS and automated driving systems 2.0 Pages:248 Replaces: ISO/TR 21718:2017 ISO 21814:2019 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Methods for chemical analysis of aluminium nitride powders Pages:36 ISO/TS 15311-1:2019 Graphic technology — Print quality requirements for printed matter — Part 1: Measurement methods and reporting schema Pages: 32 Replaces: ISO/TS 15311-1:2016 ISO 19642-3:2019 Road vehicles — Automotive cables — Part 3: Dimensions and requirements for 30 V a.c. or 60 V d.c. single core copper conductor cables Pages:16 ISO 4869-6:2019 Acoustics — Hearing protectors — Part 6: Determination of sound attenuation of active noise reduction earmuffs Pages:11 ISO/IEC 20933:2019 Information technology — Distributed application platforms and services (DAPS) — Framework for distributed real-time access systems Pages:27 Replaces: ISO/IEC 20933:2016 ISO 20078-1:2019 Road vehicles — Extended vehicle (ExVe) web services — Part 1: Content Pages:17
---	---	--

ISO 11607-2:2019

Packaging for terminally sterilized medical devices — Part 2: Validation requirements for forming, sealing and assembly processes
Pages:13

Replaces: ISO 11607-2:2006

ISO 27916:2019

Carbon dioxide capture, transportation and geological storage — Carbon dioxide storage using enhanced oil recovery (CO₂-EOR)
Pages:55

ISO 17201-3:2019

Acoustics — Noise from shooting ranges — Part 3: Sound propagation calculations
Pages:59

Replaces: ISO 17201-3:2010

ISO 787-9:2019

General methods of test for pigments and extenders — Part 9: Determination of pH value of an aqueous suspension
Pages:2

Replaces: ISO 787-9:1981

ISO 8102-6:2019

Electrical requirements for lifts, escalators and moving walks — Part 6: Programmable electronic systems in safety-related applications for escalators and moving walks (PESSRAE)
Pages:20

Replaces; ISO 8102-6:2013

ISO 14033:2019

Environmental management — Quantitative environmental information — Guidelines and examples
Pages:66

Replaces: ISO 14033:2012

ISO 16838:2019

Non-destructive testing — Acoustic emission testing — Test method for classification of active cracks in concrete structures
Pages:5

ISO 9463:2019

Nuclear energy — Nuclear fuel technology — Determination of plutonium in nitric acid solutions by spectrophotometry
Pages:12

Replaces: ISO 9463:2009

ISO 16964:2019

Gas cylinders — Flexible hoses assemblies — Specification and testing
Pages:14

Replaces: ISO 16964:2015

ISO 23907-1:2019

Sharps injury protection — Requirements and test methods — Part 1: Single-use sharps containers
Pages:12

Replaces: ISO 23907-1:2012

ISO 15630-1:2019

Steel for the reinforcement and prestressing of concrete — Test methods — Part 1: Reinforcing bars, rods and wire
Pages:24

Replaces: ISO 15630-1:2010

ISO 10704:2019

Water quality — Gross alpha and gross beta activity — Test method using thin source deposit
Pages:20

Replaces: ISO 10704:2009

ISO 19127:2019

Geographic information — Geodetic register

Pages: 41

Replaces: ISO 19127:2005

ISO 8573-4:2019

Compressed air — Contaminant measurement — Part 4: Particle content
Pages:26

Replaces: ISO 8573-4:2001

ISO 23500-2:2019

Preparation and quality management of fluids for haemodialysis and related therapies — Part 2: Water treatment equipment for haemodialysis applications and related therapies
Pages:34

Replaces: ISO 23500-2:2014

❖ **TIÊU CHUẨN ANH (BS)**

PD ISO/TR 12885:2018

Nanotechnologies. Health and safety practices in occupational settings
Pages:136

PD CEN ISO/TS 15874-7:2018

Plastics piping systems for hot and cold water installations. Polypropylene (PP). Guidance for the assessment of conformity
Pages:26

PD CEN ISO/TS 15875-7:2018

Plastics piping systems for hot and cold water installations. Crosslinked polyethylene (PE-X). Guidance for the assessment of conformity
Pages:26

PD CEN ISO/TS 15876-7:2018

Plastics piping systems for hot and cold water installations.

Polybutylene (PB). Guidance for the assessment of conformity

Pages:24

PD CEN ISO/TS 15877-7:2018

Plastics piping systems for hot and cold water installations.

Chlorinated poly(vinyl chloride) (PVC-C). Guidance for the assessment of conformity

Pages:24

PD CEN/TS 17249-2:2018

Intelligent transport systems. eSafety. eCall for HGVs and other commercial vehicles

Pages:16

PD CEN/TS 17273:2018

Nanotechnologies. Guidance on detection and identification of nano-objects in complex matrices

Pages:66

PD CEN/TS 17275:2018

Nanotechnologies. Guidelines for the management and disposal of waste from the manufacturing and processing of manufactured nano-objects

Pages:60

PD CEN ISO/TR 18486:2018

Plastics. Parameters comparing the spectral irradiance of a laboratory light source for weathering applications to a reference solar spectral irradiance

Pages:16

PD ISO/TR 21190:2018

Electronic fee collection. Investigation of charging policies and technologies for future standardization

Pages:74

PD IEC/TR 60601-4-3:2018

Medical electrical equipment.

Guidance and interpretation.

Considerations of unaddressed safety aspects in the third edition of IEC 60601-1 and proposals for new requirements

Pages:146

BS EN ISO 294-2:2018

Plastics. Injection moulding of test specimens of thermoplastic materials. Small tensile bars

Pages:10

BS EN ISO 3211:2018

Anodizing of aluminium and its alloys. Assessment of resistance of anodic oxidation coatings to cracking by deformation

Pages:12

BS EN ISO 4612:2018

Plastics. Preparation of PVC pastes for test purposes. Planetary-mixer method

Pages:12

BS EN ISO 6145-7:2018

Gas analysis. Preparation of calibration gas mixtures using dynamic methods. Thermal mass-flow controllers

Pages:22

BS ISO 6150:2018

Pneumatic fluid power. Cylindrical quick-action couplings for maximum working pressures of 1 MPa, 1,6 MPa, and 2,5 MPa (10 bar, 16 bar and 25 bar). Plug connecting dimensions, specifications, application guidelines and testing

Pages:24

BS EN ISO 6506-2:2018

Metallic materials. Brinell hardness test. Verification and calibration of testing machines

Pages:22

BS EN ISO 12957-1:2018

Geosynthetics. Determination of friction characteristics.

Direct shear test

Pages:18

BS EN ISO 15175:2018

Soil quality. Characterization of contaminated soil related to groundwater protection

Pages:48

BS EN ISO 16133:2018

Soil quality. Guidance on the establishment and maintenance of monitoring programmes

Pages:18

BS EN ISO/IEC 17021-2:2018

Conformity assessment. Requirements for bodies providing audit and certification of management systems. Competence requirements for auditing and certification of environmental management systems

Pages:22

BS EN ISO/IEC 17021-3:2018

Conformity assessment. Requirements for bodies providing audit and certification of management systems. Competence requirements for auditing and certification of quality management systems

Pages:16

BS EN ISO 17201-1:2018

Acoustics. Noise from shooting ranges. Determination of muzzle blast by measurement

Pages:48

BS EN ISO 19277:2018

Petroleum, petrochemical and natural gas industries. Qualification testing and acceptance criteria for

protective coating systems under insulation Pages:34 BS EN ISO 19296:2018 Mining. Mobile machines working underground. Machine safety Pages:52 BS EN ISO 20166-2:2018 Molecular in vitro diagnostic examinations. Specifications for pre-examinations processes for formalin-fixed and paraffin-embedded (FFPE) tissue. Isolated proteins Pages:28 BS EN ISO 20601:2018 Non-destructive testing of welds. Ultrasonic testing. Use of automated phased array technology for thin-walled steel components Pages:26 BS ISO 20670:2018 Water reuse. Vocabulary Pages:22 BS EN ISO 20848-3:2018 Packaging. Plastics drums. Plug bung closure systems for plastics drums with a nominal capacity of 113,6 l to 220 l Pages:30 BS EN ISO 25119-1:2018 Tractors and machinery for agriculture and forestry. Safety-related parts of control systems. General principles for design and development Pages:34 BS EN ISO 25119-4:2018 Tractors and machinery for agriculture and forestry. Safety-related parts of control systems. Production, operation, modification and supporting processes Pages:32 BS ISO 26262-11:2018 Road vehicles. Functional safety. Guidelines on application of ISO 26262 to semiconductors Pages:190 BS ISO 30414:2018 Human resource management. Guidelines for internal and external human capital reporting Pages:44 BS EN 959:2018 Mountaineering equipment. Rock anchors. Safety requirements and test methods Pages:18 BS EN 14836:2018 Surfaces for sports areas. Synthetic surfaces for outdoor sports areas. Test method for artificial weathering Pages:12 BS EN 17023:2018 Railway applications. Railway vehicle maintenance. Creation and modification of maintenance plan Pages:46 BS EN 17114:2018 Conservation of cultural heritage. Surface protection for porous inorganic materials. Technical and chemical data sheets of water repellent product Pages:14 BS EN 50341-2-12:2018 Overhead electrical lines exceeding AC 1 kV. National Normative Aspects (NNA) for ICELAND (based on EN 50341-1:2012) Pages:30 BS EN 62784:2018 Vacuum cleaners and dust extractors providing equipment protection level Dc for the collection of combustible dusts. Particular requirements Pages: 16 19/30309534 DC BS EN IEC 62109-3. Safety of power converters for use in photovoltaic power systems. Part 3. Particular requirements for electronic devices in combination with photovoltaic elements Pages:30 19/30324526 DC BS ISO 19585. Heavy commercial vehicles and buses. Vehicle dynamics simulation and validation. Steady-state circular driving behavior Pages:25 19/30324608 DC BS EN IEC 61163-2. Reliability stress screening. Part 2. Components Pages:31 19/30328947 DC BS EN ISO 20695. Enteral feeding systems. Design and testing Pages:49 19/30346121 DC BS EN IEC 61643-12. Low-voltage surge protective devices. Part 12. Surge protective devices connected to low-voltage power systems. Selection and application principles Pages:205 19/30350757 DC BS ISO 20415. Trusted mobile e-document framework. Requirement, functionality
--

and criteria for ensuring reliable and safe mobile e-business

Pages:35

19/30351735 DC

BS ISO/IEC 27552. Security techniques. Extension to ISO/IEC 27001 and ISO/IEC 27002 for privacy information management. Requirements and guidelines

Pages:81

19/30354953 DC

BS ISO 18314-4. Analytical colorimetry. Part 4. Metamerism index for pairs of samples at change of illuminant

Pages:29

19/30355185 DC

BS EN ISO 14063. Environmental management. Environmental communication. Guidelines and examples

Pages:42

19/30356319 DC

BS ISO 10406-3. Fibre-reinforced polymer (FRP) reinforcement of concrete. Test methods. Part 3. CFRP strips

Pages:16

19/30359062 DC

BS ISO 8820-12. Road vehicles. Fuse-links. Part 12. Fuse-links with tabs (blade type) Type C (medium), Type E (high current) and Type F (miniature)

Pages:17

19/30359065 DC

BS ISO 8820-13. Road vehicles. Fuse-links. Part 13. Fuse-links with tabs (blade type) Type P (sub miniature three tabs)

Pages:17

19/30360170 DC

BS ISO 22404. Plastics. Determination of the aerobic biodegradation of non-floating materials exposed to marine sediment. Method by analysis of evolved carbon dioxide

Pages:18

19/30361101 DC

BS ISO 22483. Tourism and related services.

Accommodation: Hotels.

Service requirements

Pages:37

19/30361999 DC

BS EN IEC 63121. Radiation protection instrumentation. Vehicle-mounted mobile systems for the detection of illicit trafficking of radioactive materials

Pages:45

19/30363090 DC

BS EN IEC 61755-3-11. Fibre Optic Interconnecting Devices and Passive Components.

Connector Optical Interfaces.

Part 3-11. Connector

parameters for connections of non-dispersion shifted single mode physically contacting fibres. Non-angled cylindrical full zirconia ferrules, core location variant 3

Pages:19

19/30363094 DC

BS EN IEC 61755-3-12. Fibre Optic Interconnecting Devices and Passive Components.

Connector Optical Interfaces.

Part 3-12. Connector

parameters for connections of non-dispersion shifted single mode physically contacting fibres. Angled cylindrical full zirconia ferrules, core location variant 3

Pages:19

19/30363236 DC

BS EN IEC 60704-2-7. Household and similar electrical appliances. Test code for the determination of airborne acoustical noise. Part 2-7. Particular requirements for fans

Pages:17

19/30363856 DC

BS ISO/IEC 27102. Information technology. Security techniques. Information security management guidelines for cyber insurance

Pages:26

19/30364060 DC

BS EN IEC 60269-7. Low-voltage fuses. Part 7. Fuse links for the protection of batteries

Pages:34

19/30364443 DC

BS EN IEC 62047-35. Semiconductor devices. Micro-electromechanical devices. Part 35. Test method of electrical characteristics under bending deformation for flexible and foldable electro-mechanical devices

Pages:19

19/30367196 DC

BS EN 13823. Reaction to fire tests for building products. Building products excluding floorings exposed to the thermal attack by a single burning item

Pages:123

19/30368136 DC

BS EN IEC 63160. Nuclear facilities. Instrumentation, control and electrical power systems important to safety.

Common cause failure, system analysis and diversity

Pages:32

19/30370812 DC

BS EN IEC 61800-2. Adjustable speed electrical power drive systems. Part 2. General requirements. Rating specifications for low voltage adjustable speed a.c. power drive systems

Pages:99

19/30372190 DC

BS EN IEC 61188-6-1. Circuit boards and circuit board assemblies. Design and use. Part 6-1. Land pattern design. Generic requirements for land pattern on circuit boards

Pages:28

19/30373306 DC

BS EN ISO 12956. Geotextiles and geotextile-related products. Determination of the characteristic opening size

Pages:20

19/30373330 DC

BS ISO 19455-1. Planning for functional performance testing for building commissioning. Part 1. Secondary hydronic pump, system and associated controls

Pages:23

19/30373347 DC

BS ISO 916. Testing of refrigerating systems

Pages:24

19/30373517 DC

BS EN IEC 60034-18-42 AMD1. Rotating electrical machines. Part 18-42. Partial discharge resistant electrical insulation systems (Type II) used in rotating electrical

machines fed from voltage converters. Qualification tests

Pages:10

19/30373648 DC

BS EN IEC 62868-1. Organic light emitting diode (OLED) Light sources for general lighting. Safety. Part 1. General requirements and tests

Pages:149

19/30373676 DC

BS EN ISO 6414. Technical product documentation (TPD). Technical drawings for glassware

Pages:23

19/30374057 DC

BS EN ISO 8504-2. Preparation of steel substrates before application of paints and related products. Surface preparation methods. Part 2. Abrasive blast-cleaning

Pages:21

19/30375030 DC

BS ISO 834-2. Fire-resistance tests. Elements of building construction. Part 2. Requirements and recommendations for measuring furnace exposure on test samples

Pages:23

19/30375410 DC

BS ISO/IEC 23092-3. Information Technology. ISO/IEC 23092. Part 3. Genomic information metadata and application programming interfaces (APIs)

Pages:123

19/30375718 DC

BS EN ISO 11495. Jewellery and precious metals. Determination of palladium in palladium alloys. ICP-OES

method using an internal standard element

Pages:13

19/30376072 DC

BS ISO 12165. Tools for moulding. Components of compression and injection moulds and diecasting dies. Terms and symbols

Pages:36

19/30376092 DC

BS ISO 7240-17. Fire detection and fire alarm systems. Part 17. Transmission path isolators

Pages:38

19/30377042 DC

BS ISO 22190. Soil quality. Use of extracts for the assessment of bioavailability of trace elements in soils

Pages:23

19/30377814 DC

BS ISO 23016-2. Fine bubble technology. Agricultural applications. Part 2. Test method for evaluating the promotion of the germination of barley seeds

Pages:22

19/30378347 DC

BS ISO/IEC 9995-9 AMD1. Information technology. Keyboard layouts for text and office systems. Part 9. Multilingual, multiscript keyboard layouts

Pages:8

19/30378383 DC

BS ISO/IEC 23008-6. Information technology. High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments. Part 6. 3D audio reference software

Pages:11

19/30378663 DC

BS ISO 24337. Laminate floor coverings. Determination of geometrical characteristics
Pages:17

19/30379018 DC

BS ISO 10813-2. Vibration-generating machines. Guidance for selection. Part 2. Equipment for dynamic structural testing
Pages:30

19/30379034 DC

BS ISO 6070. Auxiliary tables for vibration generators. Methods of describing equipment characteristics
Pages:27

19/30379277 DC

BS ISO/IEC 26561. Software and systems engineering. Methods and tools for product line technical probe
Pages:47

19/30379280 DC

BS ISO/IEC 26562. Software and systems engineering. Methods and tools for product line transition management
Pages:45

19/30381276 DC

BS ISO 8454 AMD2. Cigarettes. Determination of carbon monoxide in the vapour phase of cigarette smoke. NDIR method
Pages:7

19/30381469 DC

BS EN IEC 63171-2. Connectors for electrical and electronic equipment. Part 2. Detail specification for 2-way, shielded or unshielded, free and fixed connectors: mechanical mating information, pin assignment and additional requirements for type 2

Pages:18

19/30381679 DC

BS ISO 11971. Steel and iron castings. Visual testing of surface quality
Pages:11

19/30381731 DC

BS EN IEC 80601-2-87. Medical electrical equipment. Part 2-87. Particular requirements for the basic safety and essential performance of high frequency critical care ventilators
Pages:116

19/30381906 DC

BS ISO/IEC 21122-3. Information technology. JPEG XS low-latency lightweight image coding system. Part 3. Transport and container formats
Pages:74

19/30381929 DC

BS ISO/IEC 29199-2 AMD3. Information technology. JPEG XR image coding system. Part 2. Image coding specification
Pages:15

19/30381949 DC

BS ISO/IEC 14496-12 AMD2. Information technology. Coding of audio-visual objects. Part 12. ISO base media file format
Pages:17

19/30381952 DC

BS ISO/IEC 23001-7 AMD1. Information technology. MPEG systems technologies. Part 7. Common encryption in ISO base media file format files
Pages:26

19/30382343 DC

BS ISO/IEC 15444-15. Information technology. JPEG

2000 image coding system. Part 15. High-Throughput JPEG 2000
Pages:73

19/30382349 DC

BS ISO/IEC 23009-2 AMD1. Information technology. Dynamic adaptive streaming over HTTP (DASH). Part 2. Conformance and reference software
Pages:39

19/30382482 DC

BS EN ISO 22301. Security and resilience. Business continuity management systems. Requirements
Pages:34

19/30382658 DC

BS EN IEC 60751. Industrial platinum resistance thermometers and platinum temperature sensors
Pages:23

19/30382662 DC

BS EN IEC 60584-3. Thermocouples. Part 3. Extension and compensating cables. Tolerances and identification system
Pages:16

19/30382691 DC

BS EN 13598-1. Plastics piping systems for non-pressure underground drainage and sewerage. Unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U), polypropylene (PP) and polyethylene (PE). Part 1. Specifications for ancillary fittings and shallow chambers
Pages:32

19/30382694 DC

BS EN 13598-2. Plastics piping systems for non-pressure underground drainage and sewerage. Unplasticized

poly(vinyl chloride) (PVC-U), polypropylene (PP) and polyethylene (PE). Part 2. Specifications for manholes and inspection chambers
Pages:33

19/30382961 DC

BS ISO/IEC 15444-16. Information technology. JPEG 2000 image coding system. Part 16. Encapsulation of JPEG 2000 Images into ISO/IEC 23008-12
Pages:14

19/30383540 DC

BS EN ISO 5356-2 AMD1. Anaesthetic and respiratory equipment. Conical connectors. Part 2. Screw-threaded weight-bearing connectors
Pages:7

19/30384329 DC

BS ISO 14520-5. Gaseous fire-extinguishing systems. Physical properties and system design. Part 5. FK-5-1-12 extinguishant
Pages:17

19/30384332 DC

BS ISO 14520-8. Gaseous fire-extinguishing systems. Physical properties and system design. Part 8. HFC 125 extinguishant
Pages:15

19/30384335 DC

BS ISO 14520-9. Gaseous fire-extinguishing systems. Physical properties and system design. Part 9. HFC 227ea extinguishant
Pages:16

19/30384338 DC

BS ISO 14520-10. Gaseous fire-extinguishing systems. Physical properties and

system design. Part 10. HFC 23 extinguishant
Pages:16

19/30384601 DC

BS ISO 21219-2. Intelligent transport systems. Traffic and travel information (TTI) via transport protocol experts group, generation 2 (TPEG2). Part 2. UML modelling rules (TPEG2-UMR)
Pages:50

19/30385475 DC

BS ISO 20779 AMD1. Cigarettes. Generation and collection of total particulate matter using a routine analytical smoking machine with an intense smoking regime
Pages:7

19/30385478 DC

BS EN ISO 13350. Fans. Performance testing of jet fans
Pages:41

19/30385651 DC

BS EN IEC 60601-2-19. Medical electrical equipment. Part 2-19. Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant incubators
Pages:39

19/30385655 DC

BS EN IEC 60601-2-20. Medical electrical equipment. Part 2-20. Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant transport incubators
Pages:46

19/30385659 DC

BS EN IEC 60601-2-21. Medical electrical equipment. Part 2-21. Particular

requirements for the basic safety and essential performance of infant radiant warmers
Pages:37

19/30385663 DC

BS EN IEC 60601-2-50. Medical electrical equipment. Part 2-50. Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant phototherapy equipment
Pages:30

19/30385667 DC

BS EN IEC 80601-2-35. Medical electrical equipment. Part 2-35. Particular requirements for the basic safety and essential performance of heating devices using blankets, pads and mattresses and intended for heating in medical use
Pages:70

19/30385849 DC

BS ISO 4387. Cigarettes. Determination of total and nicotine-free dry particulate matter using a routine analytical smoking machine
Pages:26

19/30385915 DC

BS ISO 21501-2. Determination of particle size distribution. Single particle light interaction methods. Part 2. Light scattering liquid-borne particle counter
Pages:29

19/30385918 DC

BS ISO 21501-3. Determination of particle size distribution. Single particle light interaction methods. Part 3. Light extinction liquid-borne particle counter

Pages:25

19/30386053 DC

BS EN IEC 62595-2-4. Display Lighting Unit. Part 2-4.

Electro-optical measuring methods of laser module

Pages:53

19/30386549 DC

BS EN IEC 60317-27-4.

Specifications for particular types of winding wires. Part 27-4. Paper tape covered rectangular aluminum wire

Pages:12

19/30386553 DC

BS EN IEC 60317-27-1.

Specifications for particular types of winding wires. Part 27-1. Paper tape covered round copper wire

Pages:12

19/30386557 DC

BS EN IEC 60317-27-2.

Specifications for particular types of winding wires. Part 27-2. Paper tape covered round aluminum wire

Pages:12

19/30386593 DC

BS EN IEC 61967-4. Integrated circuits. Measurement of electromagnetic emissions.

Part 4. Measurement of conducted emissions, 1 ohm/150 ohm direct coupling method

Pages:35

19/30387128 DC

BS ISO/IEC 14776-481.

Information technology. Small computer system interface (SCSI). Part 481. Security. Features for SCSI Commands (SFSC)

Pages:149

19/30389257 DC

BS EN IEC 60603-7.

Connectors for electronic equipment. Part 7. Detail specification for 8-way, unshielded, free and fixed connectors

Pages:58

19/30389462 DC

BS ISO/IEC 14543-3-10.

Information technology. Home electronic system (HES) architecture. Part 3-10.

Wireless short-packet (WSP) protocol optimised for energy harvesting. Architecture and lower layer protocols

Pages:38

19/30389463 DC

BS EN IEC 61800-5-3.

Adjustable speed electrical power drive systems. Part 5-3.

Safety requirements for encoders. Functional,

Electrical and Environmental

Pages:65

19/30389464 DC

BS EN IEC 63129.

Determination of inrush current characteristics of lighting products

Pages:17

19/30389465 DC

BS IEC/IEEE 60980-344.

Nuclear facilities. Equipment important to safety. Seismic qualification

Pages:76

19/30389466 DC

BS IEC 63096. Nuclear power plants. Instrumentation, control and electrical power systems. Security controls

Pages:255

19/30389467 DC

BS EN IEC 63173. Maritime navigation and radiocommunication

equipment and systems. Data Interface. Part 1. S-421 Route Plan Based on S-100

Pages:123

19/30389468 DC

BS EN IEC 61810-4.

Electromechanical elementary relays. Part 4. Reed relays.

General and safety

requirements

Pages:58

19/30389627 DC

BS EN IEC 62610-6.

Mechanical structures for electrical and electronic equipment. Thermal

management for cabinets in accordance with IEC 60297

and IEC 60917 Series. Part 6.

Air recirculation and bypass of indoor cabinets

Pages:26

❖ TIÊU CHUẨN ĐỨC (DIN)

DIN 105-4

Clay bricks - Part 4: Ceramic bricks

Pages:16

DIN 105-41

Clay bricks - Part 41:

Conformity assessment of ceramic bricks according to DIN 105-4

Pages:10

DIN 322

Plain bearings - loose

lubrication rings for general purposes

Pages:9

DIN 851

T-slot cutters with parallel shanks - Dimensions and technical specifications

Pages:14

DIN 1495-1

Sintered metal plain bearings which meet specific requirements for fractional and subfractional horsepower electric Motors - Part 1: Spherical Bearings, dimensions and tolerances
Pages:7

DIN 1495-2

Sintered metal plain bearings which meet specific requirements for fractional and subfractional horsepower electric Motors - Part 2: Cylindrical bearings, dimensions and tolerances
Pages:7

DIN 2001-1

Drinking water supply from small units and non stationary plants - Part 1: Small units - Guidelines for requirements for drinking water, planning, construction, operation and maintenance of plants
Pages:35

DIN 2001-1 Beiblatt 1

Drinking water supply from small units and non stationary plants - Part 1: Small units - Guidelines for requirements for drinking water, planning, construction, operation and maintenance of plants; Supplement 1: Example for a checklist for the control of water catchment plants
Pages:10

DIN 5525 Berichtigung 1

Pins without head for rail vehicles; Corrigendum 1
Pages:2

DIN 5526 Berichtigung 1

Pins with head for rail vehicles; Corrigendum 1
Pages:2

DIN 7477

Plain bearings; bore reliefs for thick-walled multilayer plain bearings
Pages:7

DIN 10500

Food hygiene - Sales vehicles and mobile sales stands for perishable foodstuffs - Hygiene requirements, testing
Pages:24

DIN 14675-1/A1

Fire detection and fire alarm systems - Part 1: Design and operation; Amendment 1
Pages:5

DIN 14675-2/A1

Fire detection and fire alarm systems - Part 2: Requirements to the specialised company; Amendment A1
Pages:4

DIN 14700-2

Firefighting and fire protection - CAN interface for components in emergency vehicles - Part 2: Gateway
Pages:14

DIN 15765

Entertainment Technology - Multi-core cable systems for mobile productions and entertainment technology
Pages:20

DIN 18088-1

Structures for wind turbines and platforms - Part 1: Basic principles and actions
Pages:64

DIN 18088-2

Structures for wind turbines and platforms - Part 2: Concrete structures
Pages:19

DIN 18088-3

Structures for wind turbines and platforms - Part 3: Steel structures
Pages:39

DIN 18088-4

Structures for wind turbines and platforms - Part 4: Soil and foundation elements
Pages:33

DIN 19698-6

Characterization of solids - Sampling of solid and semi-solid materials - Part 6: In situ sampling, with CD-ROM
Pages:23

DIN 19740-1

Soil quality - Environmental requirements for the construction and operation of civil shooting ranges - Part 1: Principles and technical requirements
Pages:22

DIN 34811

Plastic countersunk flat head screws with internal driving feature
Pages:10

DIN 34812

Plastic pan head screws with internal driving feature
Pages:10

DIN 34813

Plastic cheese head screws with internal driving feature
Pages:10

DIN 50142

Testing of metallic materials - Flat bending fatigue test
Pages:15

DIN 51724-1

Testing of solid fuels - Determination of sulfur content - Part 1: Total sulfur
Pages:14

DIN 53165

Testing of pigments and extenders - Determination of the relative scattering power of white pigments for different pigment volume

concentrations (PVC) - Grey paste method

Pages:13

DIN 55655-13

Paints and varnishes - Electro-deposition paints - Part 13:

Determination of re-solving behaviour

Pages:8

DIN 55655-14

Paints and varnishes - Electro-deposition paints - Part 14:

Deposition behaviour

Pages:7

DIN 55952

Binders for paints and varnishes - Cellulose ethers - Testing

Pages:15

DIN 55953

Binders for paints and varnishes - Cellulose esters of organic acids - Testing

Pages:13

DIN 55988

Determination of indices for the transparency of pigmented and unpigmented systems - Colorimetric method

Pages:11

DIN 67510-1

Phosphorescent pigments and products - Part 1:

Measurement and marking at the producer

Pages:19

DIN 67524-1

Lighting of street tunnels and underpasses - Part 1: General quality characteristics and guide values

Pages:44

DIN 74317 Berichtigung 1

Non-soldering compression couplings - Tee body;

Corrigendum 1

Pages:2

DIN 79006-2

Athletics - Running disciplines - Part 2: Requirements and test methods for hurdles

Pages:9

DIN 79006-3

Athletics - Running disciplines - Part 3: Requirements and test methods for obstacles

Pages:10

DIN 83100-4

Heavy hinged doors on ships -

Part 4: Doors made of

aluminium

Pages:13

DIN 85339

Hexagon head screw plugs -

With retaining pin and

bleeding hole

Pages:11

DIN 85387-1

Ships and marine technology -

Loose flanges and welding

necks extra light duty - Part 1:

Loose flanges DN 32 to DN 50,

PN up to 25, DN 65 to DN 125,

PN up to 10

Pages:7

DIN 85387-2

Ships and marine technology -

Loose flanges and welding

necks extra light duty - Part 2:

Welding necks made of

CuNi10Fe1,6Mn, DN 32 to DN

50, PN up to 25, DN 65 to DN

125, PN up to 10

Pages:8

DIN 86103

Sockets for screwed ends with

metric fine thread and

Whitworth pipe thread

Pages:12

DIN 86150

Welding sockets for pipes

Pages:9

DIN EN 81-77

Safety rules for the construction and installations of lifts - Particular applications for passenger and goods passenger lifts - Part 77: Lifts subject to seismic conditions; German version EN 81-77:2018

Pages:33

DIN EN 1104

Paper and board intended to come into contact with foodstuffs - Determination of the transfer of antimicrobial constituents; German version EN 1104:2018

Pages:23

DIN EN 1176 Beiblatt 1

Playground equipment and surfacing - Safety requirements and test methods; Supplement 1:

Explanations

Pages:32

DIN EN 1647

Leisure accommodation vehicles - Caravan holiday homes - Habitation

requirements relating to health and safety; German version EN 1647:2018

Pages:45

DIN EN 1837

Safety of machinery - Integral lighting of machines; German and English version prEN 1837:2019

Pages:30

DIN EN 2369

Aerospace series - Wires, heat resisting alloys - Diameter 0,2 mm ≤ D ≤ 8 mm -

Dimensions; German and English version EN 2369:2018
Pages:14

DIN EN 2379

Aerospace series - Fluids for assessment of non-metallic materials; German and English version EN 2379:2018

Pages:21

DIN EN 2591-228

Aerospace series - Elements of electrical and optical connection - Test methods - Part 228: Ferrule withdrawal force; German and English version EN 2591-228:2018

Pages:22

DIN EN 2591-403

Aerospace series - Elements of electrical and optical connection - Test methods - Part 403: Sinusoidal and random vibration; German and English version EN 2591-403:2018

Pages:26

DIN EN 2894

Aerospace series - Nuts, bihexagonal, self-locking, with counterbore, in heat resisting nickel base alloy, passivated, MoS2 lubricated - Classification: 1 550 MPa (at ambient temperature) / 315 °C; German and English version EN 2894:2018

Pages:20

DIN EN 2894

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 078: Contacts size 22 for EN 2997, electrical, male, type A, crimp, class S - Product standard; German and English version FprEN 3155-078:2018

Pages:25

DIN EN 3315

Aerospace series - Titanium alloy TI-P64001 - Solution treated and aged - Forgings - De <= 75 mm; German and English version EN 3315:2018

Pages:18

DIN EN 3371

Aerospace series - Electrical bonding - Technical specification; German and English version FprEN 3371:2018

Pages:35

DIN EN 3481

Aerospace series - Steel FE-PA13 - Annealed - Reference heat treatment: softened - Hollow bars - 5 <= a <= 12 mm; German and English version FprEN 3481:2018

Pages:18

DIN EN 3482

Aerospace series - Steel FE-PA13 - Annealed - Reference heat treatment: softened - Forging stock - De <= 100 mm; German and English version FprEN 3482:2018

Pages:18

DIN EN 3660-003

Aerospace series - Cable outlet accessories for circular and rectangular electrical and optical connectors - Part 003: Grommet nut, style A - Product standard; German and English version EN 3660-003:2018

Pages:25

DIN EN 3660-004

Aerospace series - Cable outlet accessories for circular and rectangular electrical and optical connectors - Part 004: Cable outlet, style A, straight, unsealed with clamp strain relief - Product standard;

German and English version EN 3660-004:2018

Pages:26

DIN EN 3660-005

Aerospace series - Cable outlet accessories for circular and rectangular electrical and optical connectors - Part 005: Cable outlet, style A, 90°, unsealed with clamp strain relief - Product standard;

German and English version EN 3660-005:2018

Pages:27

DIN EN 4611-006

Aerospace series - Cables, electrical, for general purpose, single and multicore assembly - XLETFE Family - Part 006: Silver plated copper Operating temperatures, between - 65 °C and 150 °C - Dual extruded wall for open applications - UV laser printable - Product standard;

German and English version EN 4611-006:2018

Pages:28

Pages:28

DIN EN 4611-007

Aerospace series - Cables, electrical, for general purpose, single and multicore assembly - XLETFE Family - Part 007: Nickel plated copper - Operating temperatures, between - 65 °C and 150 °C - Dual extruded wall for open applications - UV laser printable - Product standard;

German and English version EN 4611-007:2018

Pages:26

DIN EN 4652-221

Berichtigung 1

Aerospace series - Connectors, coaxial, radio frequency - Part 221: Type 2, TNC interface - Crimp version - Right angle

Pages:26

DIN EN 4652-221

Aerospace series - Connectors, coaxial, radio frequency - Part 221: Type 2, TNC interface - Crimp version - Right angle

plug - Product standard;
English version EN 4652-
221:2017/AC:2018
Pages:2

DIN EN 4708-102

Aerospace series - Sleeving,
heat-shrinkable, for binding,
insulation and identification -
Part 102: Very flexible
polymer - Operating
temperature -75 °C to 150 °C -
Product standard; German and
English version EN 4708-
102:2018
Pages:25

DIN EN 4708-106

Aerospace series - Sleeving,
heat-shrinkable, for binding,
insulation and identification -
Part 106: Limited fire hazard
sleeving - Operating
temperatures - 30 °C to 105 °C
- Product standard; German
and English version EN 4708-
106:2018
Pages:29

DIN EN 4710-01

Aerospace series - Quick
release fastening systems for
non-structural applications -
Part 01: Technical
specification; German and
English version EN 4710-
01:2018
Pages:29

DIN EN 4710-03

Aerospace series - Quick
release fastening systems for
non-structural applications -
Part 03: Spring clamp; German
and English version EN 4710-
03:2018
Pages:18

DIN EN 4839-001

Aerospace series - Arc fault
circuit breakers, three-poles,
temperature compensated,

rated current 3 A to 25 A - 115
V a.c. 400 Hz constant
frequency - Part 001:
Technical specification;
German and English version
EN 4839-001:2018
Pages:43

DIN EN 4839-003

Aerospace series - Arc Fault
Circuit breakers, three-pole,
temperature compensated,
rated currents 3 A to 25 A,
115/200 V a.c. 400 Hz
constant frequency - Part 003:
Without auxiliary contacts -
Product standard; German and
English version EN 4839-
003:2018
Pages:26

DIN EN 6059-305

Aerospace series - Electrical
cables, installation - Protection
sleeves - Test methods - Part
305: Fluid absorption; German
and English version FprEN
6059-305:2018
Pages:13

DIN EN 9146

Aerospace series - Foreign
Object Damage (FOD)
Prevention Program -
Requirements for Aviation,
Space, and Defence
Organizations; German and
English version EN 9146:2018
Pages:22

DIN EN 12368

Traffic control equipment -
Signal heads; German and
English version prEN
12368:2019
Pages:85

DIN EN 12404

Durability of wood and wood-
based products - Assessment
of the effectiveness of a
masonry fungicide to prevent

growth into wood of Dry Rot
Serpula lacrymans
(Schumacher ex Fries) S.F.
Gray - Laboratory method;
German and English version
prEN 12404:2018
Pages:46

DIN EN 12999

Cranes - Loader cranes;
German version EN
12999:2011+A2:2018
Pages:99

DIN EN 13032-5

Light and lighting -
Measurement and
presentation of photometric
data of lamps and luminaires -
Part 5: Presentation of data for
luminaires used for road
lighting; German version EN
13032-5:2018
Pages:20

DIN EN 13445-8/A2

Unfired pressure vessels - Part
8: Additional requirements for
pressure vessels of aluminium
and aluminium alloys; German
and English version EN
13445-8:2014/prA2:2018
Pages:47

DIN EN 14351-2

Windows and doors - Product
standard, performance
characteristics - Part 2:
Internal pedestrian doorsets;
German version EN 14351-
2:2018
Pages:58

DIN EN 15512

Steel static storage systems -
Adjustable pallet racking
systems - Principles for
structural design; German and
English version prEN
15512:2018
Pages:363

DIN EN 15948

Cereals - Determination of moisture and protein - Method using Near-Infrared-Spectroscopy in whole kernels; German and English version prEN 15948:2018
Pages:28

DIN EN 16307-1

Industrial trucks - Safety requirements and verification - Part 1: Supplementary requirements for self-propelled industrial trucks, other than driverless trucks, variable-reach trucks and burden-carrier trucks; German and English version prEN 16307-1:2018
Pages:34

DIN EN 16334-2

Railway applications - Passenger alarm system - Part 2: System requirements for urban rail; German and English version prEN 16334-2:2018
Pages:57

DIN EN 16354

Laminate floor coverings - Underlays - Specification, requirements and test methods; German version EN 16354:2018
Pages:25

DIN EN 16952

Agricultural machinery - Rough-terrain Work Platforms for Orchard's operations (WPO) - Safety; German version EN 16952:2018
Pages:89

DIN EN 16966

Workplace exposure - Measurement of exposure by inhalation of nano-objects and their aggregates and agglomerates - Metrics to be

used such as number concentration, surface area concentration and mass concentration; German version EN 16966:2018
Pages:43

DIN EN 17064

Safety requirements for cableway installations designed to carry persons - Prevention and fight against fire; German version EN 17064:2018
Pages:29

DIN EN 17090

Fertilizers - Determination of nitrification inhibitor DMPSA in fertilizers - Method using high-performance liquid chromatography (HPLC); German version EN 17090:2018
Pages:11

DIN EN 17314

Industrial trucks - Specifications and test methods - Operator restraint systems other than lap-type seat belts; German and English version prEN 17314:2018
Pages:33

DIN EN 50083-2-4*VDE 0855-2-4

Cable networks for television signals, sound signals and interactive service - Part 2-4: LTE (4G) Interference Mitigation Filters operating in the 700 MHz and 800 MHz bands; German and English version prEN 50083-2-4:2018
Pages:24

DIN EN 50104*VDE 0400-20

Electrical apparatus for the detection and measurement of oxygen - Performance requirements and test

methods; German and English version prEN 50104:2018
Pages:77

DIN EN 50194-2*VDE 0400-30-3

Electrical apparatus for the detection of combustible gases in domestic premises - Part 2: Electrical apparatus for continuous operation in a fixed installation in recreational vehicles and similar premises - Additional test methods and performance requirements; German and English version prEN 50194-2:2018
Pages:39

DIN EN 50321-1*VDE 0682-331-1

Live working - Footwear for electrical protection - Part 1: Insulating footwear and overboots; German version EN 50321-1:2018 + AC:2018
Pages:30

DIN EN 50411-3-4

Fibre organisers and closures to be used in optical fibre communication systems - Product specifications - Part 3-4: Fibre management systems, wall box for splice to patchcord connections, for category C and A; German and English version prEN 50411-3-4:2018
Pages:90

DIN CLC/TS 50537-3

Berichtigung 1*VDE V 0115-537-3 Berichtigung 1

Railway applications - Mounted parts of the traction transformer and cooling system - Part 3: Water pump for traction converters;

German version CLC/TS
50537-3:2010; Corrigendum 1
Pages:2

DIN EN 50673

Plug-in type bushings for 72,5
kV with 630 A and 1 250 A for
electrical equipment; German
and English version prEN
50673:2018

Pages:29

DIN EN 60079-1

**Berichtigung 1*VDE 0170-5
Berichtigung 1**

Explosive atmospheres - Part
1: Equipment protection by
flameproof enclosures "d" (IEC
60079-1:2014/COR1:2018);
German version EN 60079-
1:2014/AC:2018-09

Pages:4

**DIN EN 60204-1-100*VDE
0113-1-100**

Safety of machinery -
Electrical equipment of
machines - Part 1: General
requirements (IEC 60204-
1:2016, modified); German
version EN 60204-1:2018

Pages:17

**DIN EN IEC 60238*VDE
0616-1**

Edison screw lampholders
(IEC 60238:2016 + A1:2017 +
A1:2017/COR1:2018);
German version EN IEC
60238:2018 + A1:2018

Pages:94

**DIN EN 60335-2-
28/A11*VDE 0700-28/A11**

Household and similar
electrical appliances - Safety -
Part 2-28: Particular
requirements for sewing
machines; German version EN
60335-2-28:2003/A11:2018

Pages:6

**DIN EN 60335-2-
59/A11*VDE 0700-59/A11**

Household and similar
electrical appliances - Safety -
Part 2-59: Particular
requirements for insect
killers; German version EN
60335-2-59:2003/A11:2018

Pages:6

**DIN EN 60335-2-
85/A11*VDE 0700-85/A11**

Household and similar
electrical appliances - Safety -
Part 2-85: Particular
requirements for fabric
steamers; German version EN
60335-2-85:2003/A11:2018

Pages:6

**DIN EN 60664-1*VDE 0110-
1**

Insulation coordination for
equipment within low-voltage
supply systems - Part 1:
Principles, requirements and
tests (IEC
109/166A/CD:2018); Text in
German and English

Pages:158

**DIN EN IEC 60675-2*VDE
0705-675-2**

Household electric direct-
acting room heaters - Methods
for measuring performance -
Part 2: Additional provisions
for the measurement of the
radiation factor (IEC
59C/227/CDV:2018); German
and English version prEN IEC
60675-2:2018

Pages:43

**DIN EN IEC 60675-3*VDE
0705-675-3**

Household electric direct-
acting room heaters - Methods
for measuring performance -
Part 3: Additional provisions
for the measurement of the

radiation efficiency (IEC
59C/228/CDV:2018); German
and English version prEN IEC
60675-3:2018

Pages:76

**DIN EN IEC 60721-2-7*VDE
0468-721-2-7**

Classification of
environmental conditions -
Part 2-7: Environmental
conditions appearing in nature
- Fauna and flora (IEC 60721-
2-7:2018); German version EN
IEC 60721-2-7:2018

Pages:19

**DIN EN 60794-2-11*VDE
0888-10**

Optical fibre cables - Part 2-
11: Indoor optical fibre cables
- Detailed specification for
simplex and duplex cables for
use in premises cabling (IEC
86A/1858/CDV:2018);
German and English version
prEN 60794-2-11:2018

Pages:15

**DIN EN 60794-2-21*VDE
0888-11**

Optical fibre cables - Part 2-
21: Indoor optical fibre cables
- Detailed specification for
multi-fibre optical distribution
cables for use in premises
cabling (IEC
86A/1857/CDV:2018);
German and English version
prEN 60794-2-21:2018

Pages:15

**DIN EN 60794-2-31*VDE
0888-12**

Optical fibre cables - Part 2-
31: Indoor cables - Detailed
specification for optical fibre
ribbon cables for use in
premises cabling (IEC
86A/1859/CDV:2018);

German and English version
prEN 60794-2-31:2018

Pages:15

**DIN EN 60947-6-2/A2*VDE
0660-115/A2**

Low-voltage switchgear and controlgear - Part 6-2: Multiple function equipment - Control and protective switching devices (or equipment) (CPS) (IEC 121A/190/CD:2017); Text in German and English
Pages:117

DIN EN IEC 61010-2-011*VDE 0411-2-011

Safety requirements for electrical equipment for measurement, control, and laboratory use - Part 2-011: Particular requirements for refrigerating equipment (IEC 66/676/CDV:2018); German and English version prEN IEC 61010-2-011:2018
Pages:94

**DIN EN IEC 61340-4-4*VDE
0300-4-4**

Electrostatics - Part 4-4: Standard test methods for specific applications - Electrostatic classification of flexible intermediate bulk containers (FIBC) (IEC 61340-4-4:2018); German version EN IEC 61340-4-4:2018
Pages:53

DIN EN 61466-2*VDE 0674-103-2

Composite string insulator units for overhead lines with a nominal voltage greater than 1 000 V - Part 2: Dimensional and electrical characteristics (IEC 61466-2:1998 + A1:2002 + A2:2018); German version

EN 61466-2:1998 + A1:2002 + A2:2018

Pages:15

**DIN EN 61496-2/A1*VDE
0113-202/A1**

Safety of machinery - Electro-sensitive protective equipment - Part 2: Particular requirements for equipment using active opto-electronic protective devices (AOPDs) (IEC 44/833/CD:2018); Text in German and English
Pages:21

DIN EN 61701*VDE 0126-8

Salt mist corrosion testing of photovoltaic (PV) modules (IEC 82/1460/CD:2018); Text in German and English
Pages:24

DIN EN IEC 61754-7-2

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Fibre optic connector interfaces - Part 7-2: Type MPO connector family - Two fibre rows (IEC 61754-7-2:2017); German version EN IEC 61754-7-2:2018
Pages:37

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

IEC 60364-5-53:2019

Low-voltage electrical installations - Part 5-53: Selection and erection of electrical equipment - Devices for protection for safety, isolation, switching, control and monitoring
Pages: 75

ISO/IEC TS 17021-8:2019

Conformity assessment - Requirements for bodies providing audit and certification of management

systems - Part 8: Competence requirements for auditing and certification of management systems for sustainable development in communities
Pages: 7

ISO/IEC TS 17021-8:2019

Conformity assessment - Requirements for bodies providing audit and certification of management systems - Part 8: Competence requirements for auditing and certification of management systems for sustainable development in communities
Pages: 7

ISO/IEC/IEEE 8802-11:2018/AMD1:2019

Amendment 11 - Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 11: Wireless LAN medium access control (MAC) and physical layer (PHY) specifications - Fast initial link setup
Pages: 162

ISO/IEC/IEEE 8802-1CB:2019

Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 1CB: Frame replication and elimination for reliability
Pages: 100

ISO/IEC/IEEE 8802-1Q:2016/AMD6:2019

Amendment 6 - Information technology -

Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 1Q: Bridges and bridged networks - Per-stream filtering and policing
Pages: 63
ISO/IEC/IEEE 8802-1Q:2016/AMD7:2019
Amendment 7 - Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 1Q: Bridges and bridged networks - Cyclic queuing and forwarding
Pages: 28
ISO/IEC/IEEE 8802-3:2017/AMD10:2019
Amendment 10 - Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 3: Standard for Ethernet - Media access control parameters, physical layers, and management parameters for 200 Gb/s and 400 Gb/s operation
Pages: 370
ISO/IEC/IEEE 8802-3:2017/AMD11:2019
Amendment 11 - Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 3:

Standard for Ethernet - Physical layer and management parameters for serial 25 Gb/s ethernet operation over single-mode fiber
Pages: 43
ISO/IEC/IEEE 8802-A:2015/AMD2:2019
Amendment 2 - Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Overview and Architecture - Local medium access control (MAC) address usage
Pages: 24
ISO/IEC 21823-1:2019
Internet of Things (IoT) - Interoperability for IoT systems - Part 1: Framework
Pages: 20
IEC 60051-9:2019
Direct acting indicating analogue electrical measuring instruments and their accessories - Part 9: Recommended test methods
Pages: 20
IEC 60904-3:2019
Photovoltaic devices - Part 3: Measurement principles for terrestrial photovoltaic (PV) solar devices with reference spectral irradiance data
Pages: 110
IEC 60904-3:2019 RLV
Photovoltaic devices - Part 3: Measurement principles for terrestrial photovoltaic (PV) solar devices with reference spectral irradiance data
Pages: 219
IEC 60904:2019 SER

Photovoltaic devices - ALL PARTS
Pages: 786
IEC 61010-2-091:2019
Safety requirements for electrical equipment for measurement, control and laboratory use - Part 2-091: Particular requirements for cabinet X-ray systems
Pages: 57
IEC 61010-2-091:2019 RLV
Safety requirements for electrical equipment for measurement, control and laboratory use - Part 2-091: Particular requirements for cabinet X-ray systems
Pages: 86
IEC 61225:2019
Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems - Requirements for static uninterruptible DC and AC power supply systems
Pages: 69
IEC TS 63060:2019
Electric energy supply networks - General aspects and methods for the maintenance of installations and equipment
Pages: 35
IEC TS 63070:2019
Ultrasonics - Field characterization - Infrared imaging techniques for determining temperature elevation in tissue-mimicking material and at the radiation surface of a transducer in still air
Pages: 26
IEC TS 62977-3-1:2019
Electronic displays - Part 3-1: Evaluation of optical

performances ? Colour
difference based viewing
direction dependence

Pages: 31

ISO/IEC 15961-3:2019

Information technology - Data
protocol for radio frequency
identification (RFID) for item
management - Part 3: RFID
data constructs

Pages: 13

ISO/IEC/IEEE 24748-7:2019

Systems and software
engineering - Life cycle
management - Part 7:
Application of systems
engineering on defense
programs

Pages: 51

ISO/IEC/IEEE 24748-8:2019

Systems and software
engineering - Life cycle
management - Part 8:
Technical reviews and audits
on defense programs

Pages: 154

ISO/IEC/IEEE 41062:2019

Software engineering -
Recommended practice for
software acquisition

Pages: 56

IEC 61010-2-010:2019

Safety requirements for
electrical equipment for
measurement, control and
laboratory use - Part 2-010:
Particular requirements for
laboratory equipment for the
heating of materials

Pages: 50

IEC 61010-2-010:2019 RLV

Safety requirements for
electrical equipment for
measurement, control and
laboratory use - Part 2-010:
Particular requirements for

laboratory equipment for the
heating of materials

Pages: 76

IEC 61010-2-081:2019

Safety requirements for
electrical equipment for
measurement, control and
laboratory use - Part 2-081:
Particular requirements for
automatic and semi-automatic
laboratory equipment for
analysis and other purposes

Pages: 21

IEC 61010-2-081:2019 RLV

Safety requirements for
electrical equipment for
measurement, control and
laboratory use - Part 2-081:
Particular requirements for
automatic and semi-automatic
laboratory equipment for
analysis and other purposes

Pages: 33

IEC 62271-111:2019

High-voltage switchgear and
controlgear - Part 111:
Automatic circuit reclosers for
alternating current systems up
to and including 38 kV

Pages: 267

IEC 62271:2019 SER

High-voltage switchgear and
controlgear - ALL PARTS

Pages: 7302

IEC 62282-3-100:2019

Fuel cell technologies - Part 3-
100: Stationary fuel cell power
systems – Safety

Pages: 166

IEC 62282-3-100:2019 RLV

Fuel cell technologies - Part 3-
100: Stationary fuel cell power
systems – Safety

Pages: 249

IEC 60825-12:2019

Safety of laser products - Part
12: Safety of free space optical

communication systems used
for transmission of
information

Pages: 68

IEC 60825-12:2019 RLV

Safety of laser products - Part
12: Safety of free space optical
communication systems used
for transmission of
information

Pages: 109

IEC 60825:2018 SER

Safety of laser products - ALL
PARTS

Pages: 831

IEC 60966-1:2019

Radio frequency and coaxial
cable assemblies - Part 1:
Generic specification - General
requirements and test
methods

Pages: 107

IEC 60966-1:2019 RLV

Radio frequency and coaxial
cable assemblies - Part 1:
Generic specification - General
requirements and test
methods

Pages: 168

IEC 61400-1:2019

Wind energy generation
systems - Part 1: Design
requirements

Pages: 168

IEC 61400-1:2019 RLV

Wind energy generation
systems - Part 1: Design
requirements

Pages: 349

IEC 62271-209:2019

High-voltage switchgear and
controlgear - Part 209: Cable
connections for gas-insulated
metal-enclosed switchgear for
rated voltages above 52 kV -
Fluid-filled and extruded
insulation cables - Fluid-filled

and dry-type cable-terminations

Pages: 47

IEC 62271-209:2019 RLV

High-voltage switchgear and controlgear - Part 209: Cable connections for gas-insulated metal-enclosed switchgear for rated voltages above 52 kV -

Fluid-filled and extruded insulation cables - Fluid-filled and dry-type cable-terminations

Pages: 72

IEC 62271:2018 SER

High-voltage switchgear and controlgear - ALL PARTS

Pages: 7139

IEC 60050-112:2010/

AMD1:2019

Amendment 1 ? International Electrotechnical Vocabulary (IEV) - Part 112: Quantities and units

Pages: 18

IEC 60050-691:1973/

AMD1:2019

Amendment 1 ? International Electrotechnical Vocabulary (IEV) - Part 691: Tariffs for electricity

Pages: 2

IEC 60934:2019

Circuit breakers for equipment (CBE)

Pages: 237

IEC 60934:2019 RLV

Circuit breakers for equipment (CBE)

Pages: 363

IEC 60974-2:2019

Arc welding equipment - Part 2: Liquid cooling systems

Pages: 37

IEC 60974-3:2019

Arc welding equipment - Part 3: Arc striking and stabilizing devices

Pages: 41

IEC 60974-5:2019

Arc welding equipment - Part 5: Wire feeders

Pages: 45

IEC 60974-7:2019

Arc welding equipment - Part 7: Torches

Pages: 62

IEC TS 62686-2:2019

Process management for avionics - Electronic components for aerospace, defence and high performance (ADHP) applications - Part 2: General requirements for passive components

Pages: 59

IEC 63068-1:2019

Semiconductor devices - Non-destructive recognition criteria of defects in silicon carbide homoepitaxial wafer for power devices - Part 1:

Classification of defects

Pages: 23

IEC 63068-2:2019

Semiconductor devices ? Non-destructive recognition criteria of defects in silicon carbide homoepitaxial wafer for power devices - Part 2:

Test method for defects using optical inspection

Pages: 25

IEC TR 63194:2019

Guidance on colour coding of optical fibre cables

Pages: 34

ISO/IEC

10646:2017/AMD1:2019

Amendment 1 - Information technology - Universal Coded Character Set (UCS) - Dogra,

Gunjala Gondi, Makasar, Medefaidrin, Indic Siyaq Numbers and other characters

Pages: 152

ISO/IEC 14496-

15:2017/AMD2:2019

Amendment 2 - Information technology - Coding of audio-visual objects - Part 15:

Carriage of network abstraction layer (NAL) unit structured video in the ISO base media file format - Support for additional brands

Pages: 2

ISO/IEC 14651:2019

Information technology - International string ordering and comparison - Method for comparing character strings and description of the common template tailorable ordering

Pages: 53

ISO/IEC 14651:2019

Information technology - International string ordering and comparison - Method for comparing character strings and description of the common template tailorable ordering

Pages: 53

ISO/IEC 18520:2019

Information technology - Computer graphics, image processing and environmental data representation -

Benchmarking of vision-based spatial registration and tracking methods for mixed and augmented reality (MAR)

Pages: 61

ISO/IEC 19086-4:2019

Cloud computing - Service level agreement (SLA) framework - Part 4:

<p>Components of security and of protection of PII Pages: 20 ISO/IEC 20933:2019 Information technology - Distributed application platforms and services (DAPS) - Framework for distributed real-time access systems Pages: 27 ISO/IEC 9798-3:2019 IT Security techniques - Entity authentication - Part 3: Mechanisms using digital signature techniques Pages: 25 IEC 62496-4-1:2019 Optical circuit boards - Part 4-1: Interface standards ? Terminated waveguide OCB assembly using single-row twelve-channel PMT connectors Pages: 24 IEC TR 62629-41-1:2019 3D Display devices ? Part 41-1: Generic introduction of holographic display Pages: 21 IEC 62902:2019 Secondary cells and batteries - Marking symbols for identification of their chemistry Pages: 37 IEC 63075:2019 Superconducting AC power cables and their accessories for rated voltages from 6 kV to 500 kV - Test methods and requirements Pages: 49 IEC 63093-13:2019 Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 13: PQ-cores</p>	<p>Pages: 44 IEC 60364-8-1:2019 Low-voltage electrical installations - Part 8-1: Functional aspects - Energy efficiency Pages: 72 IEC 60534-3-1:2019 Industrial-process control valves - Part 3-1: Dimensions - Face-to-face dimensions for flanged, two-way, globe-type, straight pattern and centre-to-face dimensions for flanged, two-way, globe-type, angle pattern control valves Pages: 13 IEC 60793-1-31:2019 Optical fibres - Part 1-31: Measurement methods and test procedures - Tensile strength Pages: 51 IEC 62343-1:2019 Dynamic modules - Part 1: Performance standards - General conditions Pages: 17 ISO/IEC 14496-22:2019 Information technology - Coding of audio-visual objects - Part 22: Open Font Format Pages: 628 ISO/IEC TS 17021-8:2019 Conformity assessment - Requirements for bodies providing audit and certification of management systems - Part 8: Competence requirements for auditing and certification of management systems for sustainable development in communities Pages: 7 IEC 60076-22-1:2019 Power transformers - Part 22-1: Power transformer and</p>	<p>reactor fittings ? Protective devices Pages: 148 IEC 60384-21:2019 Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 21: Sectional specification - Fixed surface mount multilayer capacitors of ceramic dielectric, Class 1 Pages: 84 IEC 60384-21:2019 RLV Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 21: Sectional specification - Fixed surface mount multilayer capacitors of ceramic dielectric, Class 1 Pages: 127 IEC 60384-22:2019 Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 22: Sectional specification - Fixed surface mount multilayer capacitors of ceramic dielectric, Class 2 Pages: 92 IEC 60384-22:2019 RLV Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 22: Sectional specification - Fixed surface mount multilayer capacitors of ceramic dielectric, Class 2 Pages: 137 IEC TS 60904-1-2:2019 Photovoltaic devices - Part 1-2: Measurement of current-voltage characteristics of bifacial photovoltaic (PV) devices Pages: 18 IEC 60904:2019 SER Photovoltaic devices - ALL PARTS Pages: 567 IEC TR 62559-1:2019</p>
--	---	---

<p>Use case methodology - Part 1: Concept and processes in standardization Pages: 84 IEC 62765-2:2019 Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Management of ageing of sensors and transmitters - Part 2: Temperature sensors Pages: 70 IEC TR 62839-2:2019 Environmental declaration - Part 2: Optical/copper telecom accessories products specific rules Pages: 15 IEC TS 62994:2019 Photovoltaic (PV) modules through the life cycle - Environmental health and safety (EH&S) risk assessment - General principles and nomenclature Pages: 32 IEC TR 63192:2019 Nuclear power plants ? Instrumentation and control systems important to safety ? Hazard analysis: A review of current approaches Pages: 53 ISO/IEC 23090-2:2019 Information technology - Coded representation of immersive media - Part 2: Omnidirectional media format Pages: 160 ISO/IEC TS 27008:2019 Information technology - Security techniques - Guidelines for the assessment of information security controls Pages: 91 ISO/IEC 27018:2019</p>	<p>Information technology - Security techniques - Code of practice for protection of personally identifiable information (PII) in public clouds acting as PII processors Pages: 23 CISPR 16-4-2:2011/AMD2:2018/COR1:2019 Corrigendum 1 - Amendment 2 - Specification for radio disturbance and immunity measuring apparatus and methods - Part 4-2: Uncertainties, statistics and limit modelling - Measurement instrumentation uncertainty Pages: 2 ISO/IEC TR 22678:2019 Information technology - Cloud computing - Guidance for policy development Pages: 34 IEC 60076-22-2:2019 Power transformers - Part 22-2: Power transformer and reactor fittings - Removable radiators Pages: 56 IEC 60286-3:2019 Packaging of components for automatic handling - Part 3: Packaging of surface mount components on continuous tapes Pages: 84 IEC 60286-3:2019 RLV Packaging of components for automatic handling - Part 3: Packaging of surface mount components on continuous tapes Pages: 125 IEC 60404-7:2019 Magnetic materials - Part 7: Method of measurement of the coercivity (up to 160 kA/m) of</p>	<p>magnetic materials in an open magnetic circuit Pages: 34 IEC 60529:1989/AMD2:2013/COR1:2019 Corrigendum 1 - Amendment 2 - Degrees of protection provided by enclosures (IP Code) Pages: 1 IEC 60674-3-2:2019 Specification for plastic films for electrical purposes - Part 3: Specifications for individual materials - Sheet 2: Requirements for balanced biaxially oriented polyethylene terephthalate (PET) films used for electrical insulation Pages: 25 IEC 60947-9-1:2019 Low-voltage switchgear and controlgear - Part 9-1: Active arc-fault mitigation systems - Arc quenching devices Pages: 37 IEC 60947:2019 SER Low-voltage switchgear and controlgear - ALL PARTS Pages: 4721 IEC TR 61000-1-8:2019 Electromagnetic compatibility - Part 1-8: Phase angles of harmonic current emissions and voltages in the public supply networks - Future expectations Pages: 67 IEC 61020-1:2019 Electromechanical switches for use in electrical and electronic equipment - Part 1: Generic specification Pages: 177 IEC TR 61292-8:2019</p>
---	---	--

Optical amplifiers ? Part 8:
High-power amplifiers
Pages: 18
IEC 61300-2-4:2019
Fibre optic interconnecting
devices and passive
components - Basic test and
measurement procedures -
Part 2-4: Tests - Fibre or cable
retention
Pages: 29
IEC 61300-2-4:2019 RLV
Fibre optic interconnecting
devices and passive
components - Basic test and
measurement procedures -
Part 2-4: Tests - Fibre or cable
retention
Pages: 44
IEC TR 61850-7-6:2019
Communication networks and
systems for power utility
automation ? Part 7-6:
Guideline for definition of
Basic Application Profiles
(BAPs) using IEC 61850
Pages: 68
IEC 61850:2019 SER
Communication networks and
systems for power utility
automation - ALL PARTS
Pages: 5841
IEC 62784:2017
+AMD1:2019 CSV
Vacuum cleaners and dust
extractors providing
equipment protection level Dc
for the collection of
combustible dusts - Particular
requirements
Pages: 40
IEC
62784:2017/AMD1:2019
Amendment 1 - Vacuum
cleaners and dust extractors
providing equipment
protection level Dc for the

collection of combustible
dusts - Particular
requirements
Pages: 5
IEC 62888-6:2019
Railway applications - Energy
measurement on board trains
- Part 6: Requirements for
purposes other than billing
Pages: 149
IEC 62899-202-3:2019
Printed electronics - Part 202-
3: Materials - Conductive ink -
Measurement of sheet
resistance of conductive films
- Contactless method
Pages: 16
IEC 62899-501-1:2019
Printed electronics - Part 501-
1: Quality assessment - Failure
modes and mechanical testing
- Flexible and/or bendable
primary or secondary cells
Pages: 15
IEC TS 63001:2019
Measurement of cavitation
noise in ultrasonic baths and
ultrasonic reactors
Pages: 29
IEC TR
63040:2016/COR1:2019
Corrigendum 1 - Guidance on
clearances and creepage
distances in particular for
distances equal to or less than
2 mm - Test results of research
on influencing parameters
Pages: 1
IEC TR 63176:2019
Process analysis technology
systems as part of safety
instrumented systems
Pages: 29

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

ASTM B 243-19

Standard Terminology of
Powder Metallurgy
Pages:9
Replaces: ASTM B243-18
ASTM C 497-19
Standard Test Methods for
Concrete Pipe, Concrete Box
Sections, Manhole Sections, or
Tile
Pages:17
Replaces: ASTM C497-18b
ASTM C 497M-19
Standard Test Methods for
Concrete Pipe, Concrete Box
Sections, Manhole Sections, or
Tile (Metric)
Pages:16
Replaces: ASTM C497M-18
ASTM C 969-19
Standard Practice for
Infiltration and Exfiltration
Acceptance Testing of
Installed Precast Concrete
Pipe Sewer Lines
Pages:3
Replaces: ASTM C969-17
ASTM C 969M-19
Standard Practice for
Infiltration and Exfiltration
Acceptance Testing of
Installed Precast Concrete
Pipe Sewer Lines (Metric)
Pages:3
Replaces: ASTM C969M-17
ASTM C 1103-19
Standard Practice for Joint
Acceptance Testing of
Installed Precast Concrete
Pipe Sewer Lines
Pages:2
Replaces: ASTM C1103-14
ASTM C 1103M-19
Standard Practice for Joint
Acceptance Testing of
Installed Precast Concrete
Pipe Sewer Lines (Metric)
Pages:3

Replaces: ASTM C1103M-14

ASTM C 1214-19

Standard Test Method for Concrete Pipe Sewerlines by Negative Air Pressure (Vacuum) Test Method
Pages:4

Replaces: ASTM C1214-13

ASTM C 1214M-19

Standard Test Method for Concrete Pipe Sewerlines by Negative Air Pressure (Vacuum) Test Method (Metric)
Pages:4

Replaces:

ASTM C1214M-13

ASTM C 1369-19

Standard Specification for Secondary Edge Sealants for Structurally Glazed Insulating Glass Units
Pages:3

Replaces:

ASTM C1369-07(2014)

ASTM C 1618-19

Standard Test Method for Concrete Sanitary Sewer Pipe by Negative (Vacuum) Air Pressure
Pages:3

Replaces:

ASTM C1618-05(2013)

ASTM C 1618M-19

Standard Test Method for Concrete Sanitary Sewer Pipe by Negative (Vacuum) Air Pressure (Metric)
Pages:3

Replaces: ASTM C1618M-

05(2013)

ASTM D 3251-19

Standard Test Method for Thermal Endurance Characteristics of Electrical Insulating Varnishes Applied

Over Film-Insulated Magnet Wire
Pages:3

Replaces:

ASTM D3251-04(2013)

ASTM D 5397-19

Standard Test Method for Evaluation of Stress Crack Resistance of Polyolefin Geomembranes Using Notched Constant Tensile Load Test
Pages:7

Replaces:

ASTM D5397-07(2012)

ASTM D 6072/D 6072M-19

Standard Practice for Obtaining Samples of Geosynthetic Clay Liners
Pages:4

Replaces:

ASTM D6072/D6072M-18

ASTM F 3297-19

Standard Practice for Corrections Application for Non-Lethal Electric Security Fences
Pages:4

❖ **TIÊU CHUẨN MỸ**

API MPMS 14.3.2 + ERTA 1 + ERTA 2

Manual of Petroleum Measurement Standards Chapter 14.3.2 - Orifice Metering of Natural Gas and Other Related Hydrocarbon Fluids - Concentric, Square-edged Orifice Meters - Part 2: Specification and Installation Requirements
Pages:76

API RP 2EQ + ADD 1

Seismic Design Procedures and Criteria for Offshore Structures
Pages:104

API RP 939-C

Guidelines for Avoiding Sulfidation (Sulfidic) Corrosion Failures in Oil Refineries
Pages:59

API SPEC 2W

Steel Plates Produced by Thermo-Mechanically Controlled Processing for Offshore Structures
Pages:27

API SPEC 12F

Specification for Shop-welded Tanks for Storage of Production Liquids
Pages:35

API SPEC 19G 2 + ADD 1

Flow-control Devices for Side-pocket Mandrels
Pages:145

EIA/TIA-102.BAJD-A

Project 25 TCP/UDP Port Number Assignments
Pages:16

API MPMS 14.3.2 ERTA 2

Manual of Petroleum Measurement Standards Chapter 14.3.2 - Orifice Metering of Natural Gas and Other Related Hydrocarbon Fluids - Concentric, Square-edged Orifice Meters - Part 2: Specification and Installation Requirements; Errata 2
Pages:2

API RP 2EQ ADD 1

Seismic Design Procedures and Criteria for Offshore Structures; Addendum 1
Pages:3

API SPEC 19G 2 ADD 1

Flow-control Devices for Side-pocket Mandrels; Addendum 1
Pages:4

SAE J 156

Fusible Links

SAE J 1308

Fan Guard for Off-Road
Machines

SAE J 2032

Ignition Cable Assemblies

SAE J 2191

Recommended Practice for
Identification of Standardized
Truck and Tractor Electrical
Circuits

SAE J 2360

Automotive Gear Lubricants
for Commercial and Military
Use

SAE J 2592

Carbon Steel Tubing for
General Use, Understanding
Nondestructive Testing for
Carbon Steel Tubing

SAE J 2986

Brake Pads, Lining, Disc, and
Drum Wear Measurements

SAE J 3093

Design and Performance
Specifications for a Generic
Buck Representing a Small
Family Car Used in the
Assessment of Pedestrian
Dummy Whole Body Impact
Response

SAE AIR 6508

Supplemental Propulsion
System Performance Station
Designation

SAE AIR 6540

Fundamentals in Wire
Selection and Sizing for
Aerospace Applications

SAE AMS 1533C

Cleaner for Exterior Aircraft
Surfaces, Gel-Type, Solvent-
Base

SAE AMS 2401K

Plating, Cadmium, Low
Hydrogen Content Deposit

SAE AMS 2402L

Plating, Zinc

SAE AMS 2431/3E

Peening Media, Conditioned
Carbon Steel Cut Wire Shot,
Regular Hardness (45 to 52
HRC)

SAE AMS 2431/4D

Peening Media, Conditioned
Stainless Steel Cut Wire Shot
(AWS)

SAE AMS 2431/8C

Peening Media, Conditioned
Carbon Steel Cut Wire Shot,
High Hardness (55 to 62 HRC)
(AWCH)

SAE AMS 2484C

Blackening Solution for Steel,
Touch-Up Method

SAE AMS 2590B

Rotary Flap Peening of Metal
Parts

SAE AMS 2759/3H

Heat Treatment, Precipitation-
Hardening Corrosion-
Resistant, Maraging, and
Secondary Hardening Steel
Parts

SAE AMS 3941

Rubber: Butyl (IIR), Low
Compression Set and Low
Moisture/Gas Permeability 65
to 75 Type A Hardness for
Applications Requiring
Resistance to Gas and/or
Water Vapor Permeation

SAE AMS 4083M

Aluminum Alloy Tubing,
Hydraulic, Seamless, Drawn,
Round, 1.0Mg - 0.60Si - 0.28Cu
- 0.20Cr (6061-T6), Solution
and Precipitation Heat Treated

SAE AMS 4085F

Aluminum Alloy Sheet, 5.7Zn -
2.2Mg - 1.6Cu - 0.22Cr (7475-
T761), Solution Heat Treated
and Overaged

SAE AMS 4132H

Aluminum Alloy, Die and Hand
Forgings, Rolled Rings, and
Forging Stock, 2.3Cu - 1.6Mg -
1.1Fe - 1.0Ni - 0.18Si - 0.07Ti
(2618-T61), Solution and
Precipitation Heat Treated

SAE AMS 4250C

Aluminum Alloy, Plate, 8.1Zn -
2.3Mg - 1.0Cu - Zr (7449-
T7651), Solution Heat Treated,
Stress Relieved, and Overaged

SAE AMS 4311F

Aluminum Alloy, Rolled or
Forged Rings, 5.6Zn - 2.5Mg -
1.6Cu - 0.23Cr (7075-T7351,
7075-T7352), Solution Heat
Treated, Mechanically Stress
Relieved, and Precipitation
Heat Treated

SAE AMS 4423

Aluminum Alloy, Extrusions,
4.4Cu - 1.5Mg - 0.60Mn (2024-
T8511), Solution Heat Treated,
Cold Worked, Stress-Relieved
by Stretching, Precipitation
Heat Treated, and
Straightened

SAE AMS 4442H

Magnesium Alloy, Sand
Castings, 3.2 Rare Earths -
2.5Zn - 0.70Zr (EZ33A-T5),
Precipitation Heat Treated

SAE AMS 4452F

Magnesium Alloy, Investment
Castings, 8.7Al - 0.70Zn -
0.22Mn (AZ91C-T6), Solution
and Precipitation Heat Treated

SAE AMS 4453G

Magnesium Alloy, Investment
Castings, 9.0Al - 2.0Zn
(AZ92A-T6), Solution and
Precipitation Heat Treated

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin theo số điện thoại: (024)37564268; Fax: (024)38361556; Email: tttt@tcvn.gov.vn